

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 336, NĂM THỨ 27

THÁNG 7-2022



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhận Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TỈNH
TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA
NHÂN CA**

Mục Lục

<u>Sư tu học của người Phật Tử</u>	BBT	3
<u>Thiền định một PP cải biến tâm linh</u>	Hoang Phong ch. ngữ	4
<u>Pháp Cú: 386 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	9
<u>Thơ: Quán tro của ngàn sao</u>	Tuệ Sỹ	9
<u>Câu chuyện thật của Bs khoa tâm thần</u>	Th.Tâm Quang dịch	10
<u>Bảo vệ gia đình khỏi đồ dữ</u>	Thiền sư Thích Nhất Hạnh	20
<u>Câu chuyện về người Tỳ kheo ...</u>	Hoang Phong ch. ngữ	26

Tranh bìa

Hoa Sen

Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có

bài đăng trong

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Sự Tu Học của Người Phật Tử

Người Phật Tử nói nôm na là người tu học theo đạo Phật, tức là tu học theo lời Phật dạy.

Đức Phật dạy cho người Phật tử những gì ? Chúng ta nhớ lại câu chuyện khi đức Phật dạy cho các Phật tử lúc Ngài tại tiên. Ngài hốt một nắm lá trong tay và dạy cho những đệ tử rằng: “Chân lý như lá trong rừng cây, còn những chi Phật giảng dạy chỉ là nắm lá trong tay này.”

Còn về thực hành, chúng ta thường nghe nói có “Tám vạn bốn ngàn pháp môn tu theo đạo Phật”. Nhưng chung quy chỉ tóm gọn trong Thiền, Tịnh và Mật. Thiền tức là ngồi Thiền, Tịnh tức là niệm danh hiệu Phật và Mật tức là trì Chú.

Ngồi Thiền có người theo dõi hơi thở của mình lúc hít hơi vào, lúc đưa hơi thở ra, có người để tâm tìm nghĩa lý trong câu kinh, câu chuyện thiện lành nào đó hoặc câu học búa nào đó cũng gọi là “thoại đầu”.

Niệm danh hiệu Phật, thông thường người ta để tâm niệm Phật A Di Đà, mục đích là để vãng sinh về cõi cực lạc. Có người theo Điều Pháp Liên Hoa Kinh niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, để mong cầu cho tai qua nạn khỏi.

Dĩ nhiên có số ít người trì Đại Bi Thần Chú để cầu nguyện cho tai qua nạn khỏi, cầu mong được vãng sinh về cõi Cực Lạc.

Nói chung sự tu học của người Phật Tử là học để hiểu và hiểu để hành, tránh rơi vào sự mê tín không có lợi ích chi trong việc tu học, chẳng những thế mà còn làm cho đạo Phật của chúng ta bị hoen ố vì sự mê tín.

Cho nên người Phật tử cần phải học, học trong kinh điển, học qua những buổi dự chư Tăng, Ni thuyết pháp, học qua những khóa tu, học để hiểu và hiểu để hành cho đúng chánh pháp. tức là đúng theo lời Phật dạy.

Mong thay !

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh
Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita
Hoang Phong chuyên ngữ

CHƯƠNG IV

Bài 22

Tình thương người và thái độ ích kỷ

Lòng vị tha và chủ trương cá nhân trong cuộc sống tâm linh

oOo

Bài 22: Tình thương người và thái độ ích kỷ.

Bài 23: Tình thương người.

Bài 24: Dana và sự hào hiệp.

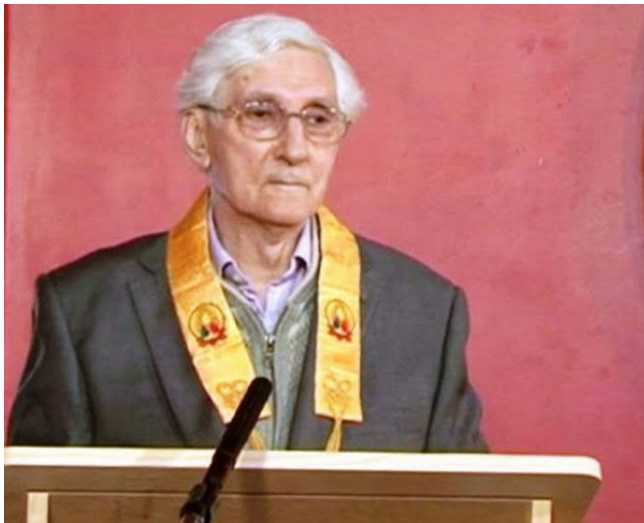
Bài 25: Hiền dăng sự can đảm – tức không biết sợ là gì.

Bài 26: Hiền dăng mạng sống của chính mình.

Bài 27: Sila paramita – hay đạo đức hoàn hảo.

Bài 28: Ăn chay và Phật Giáo.

Bài 29: Hôn nhân và Phật Giáo.



Nhà sư Ugyen Sangharakshita.

Vài lời ghi chú của người chuyên ngữ:

Tựa tiếng Anh của bài giảng này là “Altruism” and “Individualism”, nếu dịch từ chương thì sẽ là “Chủ nghĩa vị tha” và “Chủ nghĩa cá nhân”. Thế nhưng giáo lý Phật Giáo không chủ trương một “chủ nghĩa” hay một “giáo điều” nào cả. Hơn nữa chữ “chủ nghĩa vị tha” là một từ tiếng Hán (利他主義 / Lợi-tha-chủ-nghĩa), và chữ “vị tha” cũng chỉ có nghĩa là “vì người khác”, thế nhưng trong trường hợp này và theo giáo lý Phật Giáo, vị tha là một xúc cảm sâu xa, một xu hướng tâm thần, đưa đến một thái độ, hay cung cách hành xử trong xã hội. Tiếng Pali gọi xúc cảm này hay thái độ tâm thần này là metta hay karuna. Do vậy thiết nghĩ nên dịch chữ “chủ nghĩa vị tha”/ altruism là “lòng thương người”, “lòng nhân ái” hay “tình thương người” thì thích hợp hơn, ít nhất là trong khuôn khổ giáo lý Phật Giáo. Đối với chữ “chủ nghĩa cá nhân”/ individualism cũng vậy, cũng nên hiểu như là một xu hướng tâm thần mang tính cách ích kỷ, chỉ biết nghĩ đến cá nhân mình, không một mảy may quan tâm đến kẻ khác. Do đó xin đề nghị dịch tựa của bài giảng này là “Tình thương người và thái độ ích kỷ”. Vậy chúng ta hãy tìm hiểu bài giảng dưới đây qua tinh thần và ý nghĩa của các thuật ngữ đã được giải thích trên đây.

—oOo—

Ý nghĩ về người Bồ-tát không màng đến sự giác ngộ của chính mình mà chỉ nghĩ đến sự giác ngộ của kẻ khác, quả hàm chứa thật nhiều thi vị. Tuy nhiên không phải vì thế mà chúng ta cứ để cho vẻ đẹp của lý tưởng lôi cuốn mình một cách quá đáng, khiến mình biến nó trở thành méo mó. Tiếc thay điều này lại thường thấy xảy ra, nhất là qua cách nhìn đại chúng về hình ảnh một người Bồ-tát trông thấy thoáng thoáng từ xa ngưỡng cửa lấp lánh của Niết-bàn (*nirvana*) và nghĩ rằng:

“Không! Tôi sẽ không thể bước qua ngưỡng cửa đó một mình. Tôi mong cầu tất cả mọi người đều bước qua ngưỡng cửa đó trước tôi”.

Hình ảnh đó tuy phản ánh một quyết tâm thật hào-hùng-và-siêu-nhiên, thế nhưng không thể biện minh (*giải thích, biểu trưng*) cho lý tưởng của người Bồ-tát được. Hơn nữa cũng không thể nói lên một cách trung thực các mô hình biểu trưng trong nghệ thuật Phật Giáo đã bị biến thể ít nhiều về sau này (*pseudo-traditional buddhism, có nghĩa là thuộc một nền Phật Giáo hậu Đức Phật với ít nhiều thêm thắt và biến dạng, có thể tạm hiểu là “Đại Thừa”*), chẳng hạn như hình ảnh một người Bồ-tát vận hai tay, xuýt xoa vì tuyệt vọng (*xót xa và bất lực*), hoặc nhìn từ trên cao những nỗi khổ đau của thế giới với một nụ cười đầy xúc cảm (*thương hại và thần nhiên*). Quả hết sức khó tìm được những hình ảnh thích hợp để biểu trưng trung thực vẻ đẹp đầy thi vị của lý tưởng (*trong trường hợp này là lý tưởng của người Bồ-tát*). Trong số các tranh vẽ trên vách hang động Ajanta tại Ấn Độ có một bức họa chân dung vị Bồ-tát Padmapani (*Padmapani là tên gọi khác của Bồ-tát Avalokitesvara/ Quán-thế-âm. Vị Bồ-*

tát này tuy là nam giới thế nhưng thường được biểu trưng bởi một người phụ nữ) thật tuyệt vời, có thể nói lên phân nào về đẹp đầy thi vị của lý tưởng [người Bồ-tát].



Hình 1



Hình 2

Hình 1 và hình 2 (chi tiết): Vị Bồ-tát Padmapani nhìn vào chúng sinh chung quanh với đôi mắt, cử chỉ và bóng dáng yếu mềm của một người phụ nữ (hình do người chuyên ngữ ghép thêm).

Người Bồ-tát và người A-la-hán

Đại Thừa thường mô tả người Bồ-tát qua bóng dáng một người thật can trường hoặc một người trợ giúp xã hội thật khả ái, hình ảnh đó tương phản hẳn với người A-la-hán. Cách mô tả đó dễ khiến gây ra hiểu lầm, bởi vì người ta có thể nghĩ rằng người A-la-hán chỉ biết quan tâm đến sự giải thoát của riêng mình, một người thật ích kỷ, khác hẳn với người Bồ-tát.

Thật hết sức rõ ràng, Đức Phật đã đạt được Niết-bàn, nào Ngài có trì hoãn đâu. Vậy thì

Đại Thừa phải giải thích như thế nào về sự kiện đó? (Đại Thừa chủ trương không hòa nhập vào Niết-bàn hầu có thể lưu lại trong thế giới luân hồi để giúp đỡ chúng sinh) Kinh Hoa Sen cho biết Đức Phật từng nói parinirvana/ bát-niết-bàn (tiền ngữ pari trong tiếng Pali và tiếng Phạn có nghĩa là toàn diện, hoàn hảo, tối thượng, nhằm nói lên sự tịch diệt tối thượng và tuyệt đối của Đức Phật) chỉ là một phương tiện thiện xảo. Điều này cho thấy chữ parinirvana [trong Đại Thừa] không hoàn toàn mang cùng một ý nghĩa trong Phật Giáo Theravada. Một số học phái cho rằng những gì mà chúng ta hiểu dưới danh hiệu của một vị Bồ-tát cũng là thể dạng của chính Đức Phật khi Ngài hòa nhập vào parinirvana, có nghĩa là Ngài không hội nhập [vĩnh viễn] vào sự Giác Ngộ tối thượng (cuối cùng). Người ta cho rằng đây cũng là cách hành xử của vị Bồ-tát Avalokiteshvara/ Quán-thế-âm, đứng vào vị thế trung gian giữa sự biến mất của vị Shakyamuni (Thích-ca Mâu-ni) và sự xuất hiện của vị Maitreya (Di-lặc) tức là vị Phật Tương Lai (một đấng là một vị Phật đã hoàn toàn giác ngộ, một đấng là một vị Phật chưa xuất hiện, Avalokiteshvara là một vị Bồ-tát đứng ở vị thế trung gian, chưa đạt được parinirvana, nhưng cũng chưa hẳn là một vị Phật Tương Lai). Những gì trên đây cho thấy ít nhất chúng ta cũng không thể nào phân tích và tìm hiểu toàn bộ chủ đề trên đây một cách từ chương được. Nếu muốn hiểu tại sao Đại Thừa lại đặt nặng tình thương người đến như vậy, thì phải quay về thời điểm đưa đến sự xuất hiện của tình trạng đó, tức là vào một lúc (một giai đoạn lịch sử) mà nhiều người [trong xã hội] đã đánh mất ý niệm về lòng thương người, khiến việc ân tu của người xuất gia không còn giữ được tầm quan trọng như trước kia nữa (giả thuyết này cũng có thể là đúng. Sự hình thành và phát triển của Đại Thừa là

một sự diễn tiến tự nhiên, một sự thích ứng cần thiết khi con người trở nên đông đảo, xã hội theo đó cũng trở nên ích kỷ và xô bồ, khác hơn với thời đại của Đức Phật năm thế kỷ trước đó). Trong quyển “Các nét chủ yếu của Phật Giáo Đại Thừa” (phải chăng nhà sư Sangarakshita muốn nói đến quyển *Manual of Zen Buddhism* (?), bởi vì dường như không thấy có quyển sách nào của D.T. Suzuki mang tựa đúng như thế cả) D.T. Suzuki (*Daisetz Teitaro Suzuki, 1870-1966*) có nói như sau:

“Người Bồ-tát luôn hăng say thực hiện sự giác ngộ toàn cầu, không bao giờ biết mệt, và cũng không bao giờ nản chí, dù phải hoàn tất một công trình vĩ đại như vậy. Cố gắng đạt được sự giác ngộ nhanh chóng riêng cho bản thân mình, không hề nghĩ đến sự an vui của đông đảo kẻ khác, thì nhất định sẽ không phải là giáo huấn của Đại Thừa”.

Thế nhưng thật ra cũng không phải là giáo huấn của Phật Giáo Theravada. Theo kinh điển Pali Đức Phật từng khuyên bảo các đệ tử của mình nên du hành khắp nơi để thuyết giảng “vì hạnh phúc và sự an vui của đông đảo mọi người”.

Phép luyện tập về các brahmavihara (các phẩm tính vô biên, còn gọi là vô lượng tâm), trong số này có lòng từ bi, là một phép luyện tập chuyên biệt của Phật Giáo Theravada (kinh *Metta-Sutta, SN 46.54*). Thiết nghĩ những kẻ gièm pha (chê bai, chỉ trích) cho rằng lý tưởng của người A-la-hán gạt sang một bên ý niệm về lòng từ bi, nên hiểu rằng sự giác ngộ đích thật không thể nào hình dung được nếu không có lòng từ bi. Thật vậy, điều này dường như có vẻ đi ngược lại với giáo lý Abhidhamma của Phật Giáo Theravada (tức là phần bình giải giáo lý nêu lên trong *Tạng Luận, chủ yếu xoay*

quanh các khía cạnh Khoa học, Triết học, Tâm lý học và Luận lý học, hơn là khía cạnh từ bi). Trong Phật Giáo Theravada, lòng nhân từ và sự tử tế là các phẩm tính thật đáng quý và được nêu cao, và thật ra cũng là các phẩm tính rất gần với con người. Trái lại trong Phật Giáo Tây Tạng, người ta có cảm giác là cảm tính thương người và lòng từ bi mang nhiều khía cạnh tâm linh hơn, có thể xem như là các phẩm tính siêu nhiên. Thật vậy, có một sự khác biệt – nếu người ta có thể nói như vậy – giữa metta tức là lòng từ tâm thật tuyệt vời [của Phật Giáo Theravada] và bodhicitta (bồ-đề tâm) [của Đại Thừa], còn tuyệt vời hơn như thế nữa (sự so sánh ở cấp bậc tối thượng – superlative – không mang một ý nghĩa nào cả). Người ta cũng có thể bảo rằng những người tu tập theo Phật Giáo Theravada thường nêu lên giáo huấn Theravada của mình qua các đường nét thật cụ thể (formal/ chính xác, minh bạch), đặc biệt nhất là khía cạnh thực hành (việc tu tập) phải thật nghiêm chỉnh, phải chính xác về những gì phải làm. trong khi đó những người tu tập theo Đại Thừa đúng nghĩa [từ chương] của nó, thì lại chỉ loay hoay trong việc giúp đỡ [kẻ khác], mỗi khi hoàn cảnh xảy ra cần đến sự tham gia của mình, bất chấp các hình thức bề ngoài.

Thái độ hành xử đó [của người tu tập Đại Thừa] có thể nhận thấy qua câu chuyện sau đây về một ni sư mà tôi quen biết. Ni Sư này, sau một khóa tu học trong một ngôi chùa Nhật Bản tại Ấn Độ, phải rời chùa và lấy xe lửa, thế nhưng chiếc va-li thì lại quá nặng, một vị sư trong chùa phải khệ nệ xách hộ và đưa ra ga. Chưa kịp đến ga thì xe lửa đã đến, nếu không nhanh chân thì sẽ hụt chuyến xe. Vị sư người Nhật – và cũng là vị trụ trì của ngôi chùa – vội vàng đội chiếc va-li lên đầu và cứ thế mà chạy phăng phăng.

Nhờ đó vị ni sư bạn tôi đã bắt kịp chuyên xe. Nếu là một nhà sư Theravada thì phải là một nhà sư ngoại lệ mới có cung cách đó. Lúc đầu, vị sư trụ trì không nghĩ là mình phải có bốn phận xách chiếc va-li cho vị ni sư, mà chỉ mong làm được một chút gì đó ích lợi, một cách giúp đỡ nào đó, thế nhưng chỉ giới hạn ở một cấp bậc nào đó không làm phương hại đến phẩm cách của một nhà sư (*thế nhưng trước một bối cảnh cấp bách đang xảy ra, một nhà sư cũng có thể làm bất cứ những gì mà mình có thể làm được để giúp đỡ kẻ khác, bất chấp các hình thức màu mè. Nhìn vào câu chuyện, chúng ta sẽ thấy một hành động tuy thật nhỏ nhưng cũng phản ánh một sự giải thoát thật sâu, vượt lên trên các hình thức giả tạo và bề ngoài: nếu hoàn cảnh đòi hỏi thì một nhà sư cũng có thể đội một chiếc va-li chạy phăng phăng giữa đường phố và giữa đám đông người*).

Tuy nhiên điều đó không cho phép chúng ta nhìn người A-la-hán từ trên cao. Nếu cho rằng thể dạng A-la-hán thấp hơn Phật tánh (*buddhahood/buddhatva/ buddhabhava, tức là mầm móng mang lại sự Giác Ngộ cho người tu hành*) thì cũng chẳng khác gì như cho rằng ngọn Kanchenjunga thấp hơn ngọn Everest (*thí dụ này rất tế nhị, hiện nay ngọn núi Kanchenjunga nằm giữa biên giới Nepal và Ấn Độ, với chiều cao 8.586m chỉ đứng vào hàng thứ ba sau ngọn Everest là ngọn cao nhất thế giới với chiều cao 8.848m. Nếu ngược về lịch sử thì trước hậu bán thế kỷ XIX, người ta vẫn nghĩ rằng ngọn Kanchenjunga là cao nhất thế giới, thế nhưng kể từ năm 1847 khi các khoa học gia Tây phương bắt đầu đo chiều cao chính xác của ngọn Everest, và sau nhiều năm tính toán, thì họ đã khám phá ra là ngọn Everest mới đúng là ngọn núi cao nhất thế giới. Trở lại với thí dụ trên đây của nhà sư Sangharakshita, thì so sánh giữa người A-la*

-hán và người Bồ-tát cũng chẳng khác gì như so sánh giữa hai ngọn núi Kanchenjunga và Everest. Những người tu hành hay các ngọn núi tất cả đều cao vút, sự so sánh ở cấp bậc tuyệt đỉnh – a superlative comparison – không mang ý nghĩa nào cả). Trên thực tế, bước vào dòng chảy (*kinh sách Hán ngữ gọi là nhập lưu*) – tức là bước đầu tiên hướng vào thể dạng A-la-hán – là mục đích cao đẹp nhất mà người tu tập có thể thực hiện trong kiếp sống này. Tuy rất siêu việt thế nhưng mục đích đó có thể đạt được – và cũng có thể đạt được ngay trong kiếp sống này. Đại Thừa, qua một số quan điểm phổ cập và đại chúng, đôi khi đã đánh mất ý nghĩa đích thật trong việc luyện tập tâm linh, bởi vì việc luyện tập đó luôn đòi hỏi người tu tập phải quay vào bên trong chính mình. Việc giúp đỡ kẻ khác, không nghĩ gì đến việc phát triển tâm linh của mình, dường như chỉ là một hình thức gợi ý mà thôi. [Ngược lại] những người bước theo lý tưởng của người A-la-hán (*có nghĩa là hướng vào thể dạng chưa hoàn toàn đạt được sự Giác Ngộ tối thượng*) luôn nói lên là mình sẽ phải cố gắng giúp đỡ các kẻ khác đạt được giác ngộ, thế nhưng chính mình thì lại chưa thật sự đạt được sự giác ngộ đó, điều ấy chẳng khác gì như mình cố gắng giúp đỡ đông đảo kẻ khác thoát ra khỏi một cái hố sâu, trong khi chính mình thì vẫn còn ở trong hố. Nói một cách khác thì điều đó thiếu thực tế. Trước hết tự mình phải thoát ra khỏi hố, sau đó thì mới có thể giúp kẻ khác làm được như chính mình.

Dường như người ta thường quên mất một điều [thật quan trọng] là tình thương người (*lòng vị tha hay lòng từ tâm*) không phải là một thứ gì đó mà mình có thể thay thế cho việc “quay vào bên trong chính mình” (*tức là việc tu tập tâm linh*); nhưng cũng không phải là một hình thức luân phiên

giữa hai thứ ấy (lúc thì hướng ra bên ngoài vì tình thương người, lúc thì hướng vào bên trong vì việc tu tập của riêng mình). Điều đó không có nghĩa là phải bước theo con đường của người A-la-hán, tức là thỉnh thoảng thì hướng vào tình thương người, thế nhưng cũng không nhất thiết là phải bước theo con đường của người Bồ-tát, tức là thỉnh thoảng dừng lại trong chốc lát nhằm giúp mình tìm lại sự tươi mát trong việc luyện tập thiền định và phát triển tâm linh của mình. Tốt hơn hết là phải kết hợp cả hai đường hướng đó. Thật vậy, chỉ có một con đường duy nhất mà thôi: “quay vào bên trong chính mình” và “hướng vào kẻ khác” là hai thể dạng vừa đối nghịch nhau, nhưng cũng vừa bổ khuyết cho nhau.

Lý tưởng của người Bồ-tát không hề là một hình thức vị tha đi ngược lại với thái độ cá nhân, cũng không phải là một phương tiện cứu độ kẻ khác đi ngược lại với sự giải thoát của riêng mình. Việc tu tập, như đã được trình bày trên đây, là một sự hợp nhất giữa hai thể dạng đối nghịch: giúp đỡ kẻ khác nhưng cũng phải giúp đỡ cả chính mình, và đây cũng chính là sự hợp nhất giữa từ bi và trí tuệ./.

Bures-Sur-Yvette, 14.11.2020
HOANG PHONG chuyển ngữ

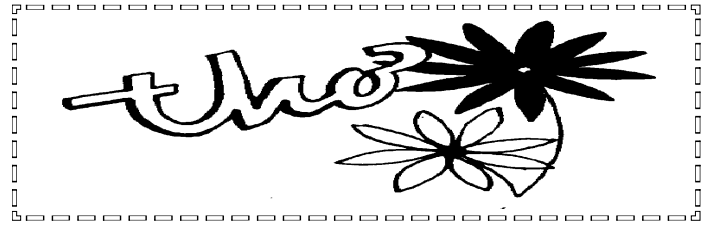
Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn

386

*Tu thiền, trú ly trần
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.*



Quán trọ của ngàn sao

Tuệ Sỹ

*Mắt em quán trọ của ngàn sao
Ngọt ngát hoang sơ ánh rượi dào
Pha loãng nắng tà dăng cát bụi
Ấm lòng khách lữ bước lao đao
Mắt huyền thăm thăm mướt đêm nhung
Mưa hạt long lanh rọi nền hồng
Sương lạnh đưa người xanh khói biển
Bình minh quán trọ nắng rưng rưng*

Trại giam Phan Đăng Lưu, Sài Gòn 79

Nguồn: Tuệ Sỹ, *Giác mơ Trường Sơn*, An
Tiêm xuất bản, California, 2002

Câu Chuyện Thật Của Một Bác Sĩ Chuyên Khoa Tâm Thần, Một Bệnh Nhân Trẻ Của Ông, và Cách Chữa Trị Tiền Kiếp Đã Thay Đổi hẳn Đời Sống của Cả Hai.

Bác Sĩ Brian L.Weiss Phó Gs, Khoa Tâm Thần tại Trường Y Khoa Đại Học Miami, Florida
Thích Tâm Quang dịch

Khởi đăng từ Ns PHẬT HỌC số 327

CHƯƠNG MƯỜI

Tuần này trôi qua mau. Tôi nghe đi nghe lại băng thâu của buổi thôi miên tuần trước. Làm sao tôi có thể tiếp cận được với trạng thái tái sinh? Tôi không cảm thấy có gì sáng tỏ. Và bây giờ những thân linh sẽ được phái đến giúp tôi. Nhưng tôi phải làm gì nhỉ? Khi nào tôi tìm ra được? Tôi có khả năng làm nhiệm vụ đó không? Tôi biết tôi phải chờ đợi và phải kiên nhẫn. Tôi nhớ lại lời của Bậc Thầy thi nhân.

"Kiên nhẫn và chờ đợi... mọi việc sẽ đến khi nó phải đến... Mọi việc sẽ sáng tỏ cho người đúng lúc. Nhưng người phải có cơ hội hấp thụ kiến thức mà chúng ta đã cho người". Vậy tôi phải chờ.

Vào lúc bắt đầu buổi thôi miên, Catherine kể lại một đoạn trong giấc mộng mà cô mơ thấy trong mấy đêm vừa qua. Trong giấc mộng cô đang sống ở nhà cha mẹ, và nhà bị cháy ban đêm. Cô bình tĩnh và giúp rút ra khỏi nhà, nhưng cha cô lại lè mề và dường như thờ ơ trước tình thế cấp bách. Cô liền đẩy ông ra ngoài. Rồi ông nhớ đến cái gì đó ông đã để lại trong nhà, và ông bảo Catherine trở vào nhà giữa lúc nhà đang cháy lớn để tìm kiếm vật đó. Cô không nhớ vật đó là cái gì. Tôi quyết định chưa giải thích giấc mộng vội, và đợi xem liệu thời cơ thuận tiện có nảy sinh khi cô đang được thôi miên không.

Cô đi nhanh vào hôn mê sâu. "Tôi thấy một người đàn bà với một cái mũ trùm đầu, không phủ che mặt mà chỉ trùm tóc thôi." Rồi cô im lặng.

"Có thấy cái đó bây giờ không? Cái mũ trùm đầu?"

"Tôi không nhìn thấy nữa ... Tôi nhìn thấy một miếng vải đen, vải thêu kim tuyến có hoa tiết màu vàng trên đó ... Tôi nhìn thấy một tòa nhà có nhiều nét cấu trúc trên nó ... trắng."

"Cô có nhận ra tòa nhà đó không?"

"Không".

"Tòa nhà đó có lớn không?"

"Không. Đằng sau tòa nhà là núi có tuyết trên đỉnh núi. Nhưng cỏ rất xanh trong thung lũng ... nơi chúng tôi ở đó."

"Cô có thể vào tòa nhà đó được không?"

"Được. Nhà làm bằng loại cẩm thạch... rất lạnh khi chạm vào."

"Có phải nó là một loại chùa hay nhà tôn giáo không?"

"Tôi không biết. Tôi nghĩ rằng có thể là một nhà tù."

"Nhà tù". Tôi nhắc lại, "Có người trong tòa nhà ấy không? Chung quanh nó?"

"Có một số lính. Họ mặc đồng phục màu đen, màu đen với cầu vai vàng... tua vàng. Mũ bảo vệ đen có kiềng màu vàng nào đó... thứ gì nhọn và vàng ở đỉnh ... mũ. Và một dây lưng đỏ, một dây lưng đỏ quấn quanh thắt lưng."

"Có người lính nào ở quanh cô không?"

"Có thể là hai hay ba người."

"Cô còn ở đây không?"

"Tôi ở đây, nhưng không ở trong nhà. Nhưng tôi ở gần tòa nhà."

"Hãy nhìn chung quanh. Xem cô có thể tìm ra chính cô không ... Núi ở đây, và cỏ ... và tòa nhà trắng. Có nhà khác không?"

"Nếu có những tòa nhà khác thì chúng cũng không tọa lạc gần tòa nhà này. Tôi nhìn thấy một tòa nhà ... lẻ loi với kiểu tường được xây đằng sau nó... một bức tường."

"Cô có nghĩ rằng đó là một pháo đài hay một nhà tù hay đại loại như thế?"

"Có thể, nhưng... nó rất hẻo lánh."

"Tại sao cái đó lại quan trọng với cô?" (Ngung hồi lâu) "Cô có biết tên thành phố hay xứ sở mà cô hiện ở đây không "

"Những người lính ở đâu?"

" Tôi thấy là 'Ukraine."

"Tôi nhắc lại "Ukraine?", say mê bởi tính chất đa dạng trong những kiếp sống của cô. "Cô có thấy năm tháng không? Cô có nghĩ đến điều đó không? hay ở giai đoạn nào?"

"Mười bảy - mười bảy ", cô trả lời ngập ngừng, rồi sửa lại ."Một ngàn bảy trăm năm mươi tám ... một ngàn bảy trăm năm mươi tám. Có rất nhiều lính. Tôi không biết mục đích của họ ở đây. Với những thanh kiếm cong dài."

Tôi hỏi, "Cô còn nhìn và nghe thấy gì nữa?"

"Tôi thấy vòi nước, vòi nước, nơi họ tắm cho ngựa"

"Những người lính có cười ngựa không?"

"Có chứ"

"Những người lính có tên nào khác không? Họ gọi nhau có gì đặc biệt không?" Cô lắng nghe.

"Tôi không nghe thấy điều đó"

"Cô có ở trong số họ không?"

"Không". Câu trả lời của cô nay lại như đứa bé, ngần và thường đờm. Tôi phải là một người phỏng vấn tích cực.

"Nhưng cô thấy họ ở gần mà?"

"Phải"

"Cô có ở trong thành phố không?"

"Có"

"Cô sống ở đây phải không?"

"Tôi tin là vậy".

"Tốt. Xem xem cô có thể thấy mình và nơi cô sống không?"

"Tôi nhìn thấy một ít quần áo rách tả tơi. Tôi chỉ nhìn thấy có một đứa bé, một đứa con trai. Quần áo của nó rách tả tơi. Nó bị lạnh..."

"Nó có nhà ở trong thành phố đó không?"

Ngung lâu.

Cô tiếp tục, "Tôi không biết điều đó". Dường như cô gặp khó khăn trong việc kiếp nối với kiếp sống này. Câu trả lời của cô có vẻ như mơ hồ và không chắc chắn.

"Được rồi. Cô biết tên cậu bé ấy không?"

"Không"

"Cái gì xảy ra cho cậu bé đó? Đền với nó đi. Xem cái gì đã xảy ra."

"Nó biết một người nào đó là tù nhân."

"Bạn bè? Một thân nhân?"

"Tôi tin là cha nó" Cô vẫn tất.

"Có phải cô là đứa con trai ấy không?"

"Tôi không chắc lắm"

"Cô có biết nó nghĩ thế nào về người cha bị tù ấy?"

"Vâng... nó rất sợ hãi, sợ người ta có thể giết cha nó"

"Cha nó đã làm gì?"

"Cha nó đã ăn cắp cái gì đó của những người lính, giấy tờ hay thứ gì đó."

"Đứa trẻ không hiểu hết phải không?"

"Không, Có thể nó sẽ không bao giờ gặp thấy cha nó nữa."

"Nó có thể đi gặp cha nó được không?"

"Không."

"Họ có biết cha nó bị tù bao lâu không? hay liệu có còn được sống không?"

"Không!" Cô trả lời, giọng cô run. Cô rất đau khổ, rất buồn. Cô không cung cấp được nhiều chi tiết, tuy nhiên cô bị bối rối trông thấy bởi những biến cố cô chứng kiến và trải nghiệm.

Tôi tiếp tục, "Cô có thể cảm thấy đứa bé đó nghĩ gì, đó là một loại sợ hãi và lo âu. Cô có

cảm nghĩ ấy không?"

"Có". Cô lại im lặng.

"Cái gì xảy ra? Hãy tiến xa hơn bây giờ. Tôi biết là khó khăn. Hãy tiến xa hơn. Có cái gì đó xảy ra."

"Cha nó bị hành quyết"

"Bây giờ nó cảm nghĩ thế nào?"

"Đó là một cái gì đó mà nó chưa cảm thấy bao giờ. Nhưng họ đã hành quyết mà không cần một lý do nào cả."

"Thằng bé hẳn là hết sức buồn rầu về việc này."

"Tôi không tin là nó hiểu biết đầy đủ việc gì đã xảy ra."

"Nó có người nào khác để nương tựa không?"

"Có, nhưng đời sống của nó sẽ rất khó khăn."

"Thằng bé sẽ ra sao?"

"Tôi không biết. Nó có thể sẽ chết ... Nghe cô có vẻ buồn. Cô lại im lặng, rồi dường như cô nhìn chung quanh.

"Cô thấy gì?"

"Tôi thấy một bàn tay... một bàn tay gân chạm một vật gì ... trắng. Tôi không biết nó là gì..." Cô lại rơi vào im lặng và ít phút qua đi.

Tôi hỏi, "Cô nhìn thấy gì khác?"

"Không thấy gì ... tối đen" Hoặc là cô chết hay một cách nào đó cô đã không còn liên hệ với đứa con trai buồn rầu sống ở Ukraine hơn hai trăm năm qua.

"Cô đã rời bỏ đứa bé trai?"

"Phải" Cô thì thào. Cô đang nghỉ ngơi.

"Cô học được gì trong kiếp sống đó? Tại sao nó quan trọng?"

"Không thể hấp tấp phán xét người. Bạn phải công bằng với bất cứ ai. Nhiều sinh mạng đã tàn lụi bởi những phán xét khinh suất của chúng ta".

"Cuộc sống của đứa bé trai sẽ thiếu thốn và khó khăn vì việc xét xửcha nó.

"Vâng". Cô lại im lặng.

"Cô có nhìn thấy gì khác không? Cô nghe thấy gì không?"

"Không". Cô trả lời ngắn gọn rồi lại im lặng. Vì một lý do nào đó, kiếp sống ngắn ngủi này thật là mệt mỏi. Tôi chỉ thị cho cô nghỉ ngơi.

"Hãy nghỉ ngơi. Hãy cảm thấy an bình. Thân thể cô sẽ tự hồi phục; linh hồn cô đang nghỉ ngơi... Cô có cảm thấy khá hơn không? Ôn rồi phải không? Thật khó khăn cho đứa bé trai. Rất khó khăn. Nhưng bây giờ cô hãy nghỉ ngơi nữa đi. Tâm trí cô có thể mang cô đến không gian khác, thời gian khác ... ký ức khác. Cô đang nghỉ ngơi phải không?"

"Đúng". Tôi quyết định truy tìm đoạn trong giấc mộng của cô về cái nhà cháy, cha cô hồ hững lẽ mề và bắt cô vào nhà để tìm lại vật gì của ông.

"Bây giờ tôi có câu hỏi về giấc mộng của cô ... với cha cô. Bây giờ cô có thể nhớ lại điều đó, rất an toàn. Cô đang ở trong hôn mê sâu. Cô có nhớ không?"

"Có"

"Cô trở vào nhà để kiểm một vật gì đó. Cô có nhớ không?"

"Có... Đó là một cái hộp bằng kim loại."

"Có cái gì trong đó mà cha cô hết sức muốn bắt cô đi vào nhà đang cháy?"

"Những con tem và những đồng tiền mà ông ta cất giữ". cô trả lời. Việc nhớ lại nội dung chi tiết về giấc mộng trong lúc thôi miên trái ngược hẳn với sự nhớ lại sơ sài trong lúc thức. Thôi miên là một công cụ mạnh mẽ không những thâm nhập được vào lĩnh vực sâu kín xa xôi nhất của tâm trí, mà cũng còn cung cấp một ký ức chi tiết hơn nhiều.

"Những con tem và những đồng tiền quan trọng lắm đối với ông sao?"

"Vâng"

"Nhưng liệu mạng để đi vào một nhà cháy vì những con tem và đồng tiền"-

Cô cắt ngang lời tôi . "Cha tôi không nghĩ là ông đang lừa linh."

"Ông nghĩ là an toàn à?"

"Phải"

"Thế thì tại sao ông không vào mà lại là cô?"

"Vì ông nghĩ rằng tôi có thể đi nhanh hơn."

"Tôi hiểu. Có phải là một sự lừa linh cho cô?"

"Phải, nhưng ông không nhận ra điều đó"

"Giấc mơ có nhiều ý nghĩa hơn đối với cô không? Về mối quan hệ với cha cô?"

"Tôi không biết"

" Ông dường như không mấy vội vã để ra khỏi nhà cháy."

"Không"

"Tại sao ông lại ung dung như vậy? Cô rất nhanh, cô trông thấy sự nguy hiểm."

"Vì ông cố gắng che giấu các sự việc". Tôi chớp lấy dịp này để giải thích một phần của giấc mộng.

"Phải, đó là kiểu cách cũ của ông ấy , và cô làm nhiều việc cho ông ấy giống như đem về cái hộp. Tôi hy vọng rằng ông ấy có thể học hỏi nơi cô. Tôi có cảm nghĩ rằng đám cháy tượng trưng cho thời giờ đã hết, và cô nhận thức được sự nguy hiểm, còn ông ấy thì không. Trong khi ông ấy nhón nhơ và bắt cô trở vào tìm các thứ vật chất, cô biết nhiều hơn ... và có nhiều cái để dạy ông ấy, nhưng dường như ông ấy không muốn học."

"Đúng" cô đồng ý. "Ông không muốn học"

"Đó là cách tôi hiểu giấc mộng đó. Nhưng cô cũng không thể bắt buộc ông. Chỉ có ông ấy có thể nhận thức được điều này."

"Đúng", cô lại đồng ý, và giọng cô trở nên sâu và khàn khàn, "không quan trọng gì khi xác thân của chúng ta bị cháy trong lửa nếu chúng ta không cần những xác thân ấy ..." Một Thần Linh Bạc Thầy đã tỏa chiếu một tầm nhìn hoàn toàn khác biệt về giấc mộng. Tôi rất ngạc nhiên về sự vào đề đột ngột này và tôi chỉ có thể nhắc lại suy nghĩ này như con vệt.

"Chúng ta không cần xác thân của chúng ta?"

"Không. Chúng ta đi qua rất nhiều giai đoạn khi chúng ta ở đây. Chúng ta bỏ rơi xác thân sơ sinh, đi vào thân đứa trẻ, từ đứa trẻ đi đến người trưởng thành, rồi từ người trưởng thành đi vào tuổi già. Tại sao chúng ta không

nên vượt qua một bước, bỏ rơi xác thân trưởng thành và đi vào bình diện tinh thần? Đó là những gì chúng ta bỏ rơi. Chúng ta không chỉ ngừng phát triển; chúng ta tiếp tục phát triển. Khi chúng ta tới được bình diện tinh thần, chúng ta cũng phát triển tại đây. Chúng ta đi qua nhiều giai đoạn khác nhau về phát triển. Khi chúng ta đã đốt sạch (hết nhiên liệu), chúng ta phải đi qua giai đoạn tái sinh, giai đoạn học hỏi và giai đoạn quyết định. Chúng ta quyết định khi nào trở lại, nơi nào, và vì lý do gì. Một số quyết định không trở lại. Họ quyết định tiếp tục một giai đoạn phát triển khác. Và họ ở lại trong dạng thức thân linh... một số ở lại lâu hơn người khác trước khi trở về. Tất cả đều là phát triển và học hỏi ... tiếp tục phát triển. Xác thân của chúng ta chỉ là phương tiện cho chúng ta khi chúng ta ở đây. Đó là linh hồn và tinh thần của chúng ta trường cửu."

Tôi không nhận ra được giọng nói hay kiểu nói này. Một Bạc Thầy "mới" đang nói, và nói về một kiến thức quan trọng. Tôi muốn biết nhiều hơn về những địa hạt tính thần này.

"Học ở trong trạng thái thể chất có nhanh hơn không? Có những lý do mà người ta hoàn toàn không ở trong trạng thái tinh thần phải không?"

"Không. Học trong trạng thái tinh thần nhanh hơn nhiều, tăng nhanh hơn học ở trạng thái thể chất. Nhưng chúng ta chọn những gì chúng ta cần học. Nếu chúng ta cần phải trở về để thực hiện qua một mối quan hệ, chúng ta trở lại. Nếu chúng ta đã hoàn thành việc đó, chúng ta tiếp tục. Trong dạng thức tinh thần bạn thường có thể tiếp xúc với những người trong trạng thái thể chất nếu bạn chọn lựa. Nhưng chỉ khi có sự quan trọng... nếu bạn phải nói cho họ biết điều gì đó mà họ phải biết.

"Làm sao để tiếp xúc? Làm sao để thông điệp có thể truyền đạt?"

Trước sự ngạc nhiên của tôi, Catherine trả lời. Tếng thì thảo của cô nhanh hơn và mạnh mẽ hơn. "Đôi khi bạn có thể hiện thân trước người ấy ... và trông bạn vẫn vậy khi bạn ở đây. Có những lúc khác, bạn chỉ phải tiếp xúc bằng tinh thần. Đôi khi những thông điệp khó hiểu, nhưng thường thường người ấy hiểu nó liên quan đến cái gì. Họ hiểu. Đó là sự tiếp xúc tâm với tâm."

Tôi nói với Catherine. "Kiến thức mà cô có bây giờ, tin tức này, trí tuệ này, cái nào quan trọng... tại sao cô không có chúng khi cô tỉnh và trong trạng thái thể chất".

"Tôi chắc là tôi không thể hiểu điều đó. Tôi không đủ khả năng để hiểu."

"Vậy thì, có lẽ tôi sẽ dạy cô để cô hiểu điều đó, do đó nó không làm cô sợ hãi, và vì thế cô sẽ học hỏi."

"Vâng"

"Khi cô nghe tiếng nói của các Bậc Thầy, họ nói những điều giống như cô đang nói với tôi bây giờ. Cô phải chia sẻ rất nhiều tin tức". Tôi quan tâm đến sự thông thái mà cô có khi cô ở trong trạng thái này.

Cô chỉ trả lời, "Vâng"

"Và điều đó đến từ tâm trí riêng của cô phải không?"

"Nhưng họ đã đặt nó vào đây" Cho nên cô tin các Bậc Thầy.

Tôi thừa nhận "Phải", "Làm sao tôi có thể truyền điều đó tốt nhất cho cô để cô phát triển và làm cô không còn sợ hãi?"

"Ông đã làm điều đó rồi", cô trả lời dịu dàng. Cô đúng, những sự sợ hãi của cô hầu như không còn nữa. Một khi những buổi thôi miên

lùi về quá khứ bắt đầu, tiến bộ về chữa trị nhanh không thể tưởng được.

"Bài học nào cô cần phải học bây giờ? Cái gì quan trọng nhất cô có thể học được trong kiếp sống này để cô có thể tiếp tục phát triển và thành công?"

Cô trả lời nhanh, "Lòng Tin". Cô đã biết nhiệm vụ chính của cô là gì.

Ngạc nhiên về sự trả lời nhanh chóng của cô, tôi nhắc lại, "Lòng tin"

"Đúng, tôi phải học để có niềm tin, đồng thời cần phải tin vào con người. Tôi không tin vào con người. Tôi nghĩ mọi người đang cố gắng làm điều xấu xa cho tôi. Điều đó làm tôi xa lánh mọi người và những hoàn cảnh mà có lẽ tôi không nên cách xa. Điều đó làm tôi giữ được quan hệ với những người khác mà tôi nên cắt đứt mối quan hệ."

Nhận thức thấu đáo của cô thật kỳ lạ khi cô ở trong trạng thái siêu thức. Cô biết điểm yếu và điểm mạnh của cô. Cô biết những lĩnh vực cần phải lưu ý và thi hành, và cô biết làm gì để cải thiện vấn đề. Vấn đề duy nhất là nhận thức thấu đáo này cần phải nhập vào tâm thức của cô và cần được áp dụng vào đời sống lúc cô đang thức. Nhận thức thấu đáo siêu thức tự nó rất quyền rũ, nhưng tự nó lại không đủ để biến đổi đời cô.

Tôi hỏi, "Ai là những người cô nên cắt đứt quan hệ?"

Cô ngưng rồi nói, "Tôi sợ Becky, Tôi sợ Stuart... bằng cách nào đó tai hại sẽ đến với tôi ... từ họ. "

"Cô có thể chấm dứt mối quan hệ với họ?"

"Không hoàn toàn, nhưng với một vài ý kiến của họ, phải. Stuart đang cố gắng giữ tôi trong

tù, và anh ta đang thành công. Anh ta biết tôi sợ hãi. Anh biết tôi sợ cách xa anh, và anh sử dụng hiểu biết đó để giữ tôi với anh."

"Còn Becky"

"Cô ấy luôn luôn cố gắng phá vỡ niềm tin của tôi với những người mà tôi tin cậy. Khi tôi thấy là tốt thì cô ấy thấy là xấu. Và cô ấy cố gắng trồng những hạt giống này vào tâm trí tôi. Tôi đang học hỏi để tin vào ... những người tôi nên tin, nhưng cô ấy lại nhồi đầy đầu óc tôi những ngờ vực về họ. Và đó là vấn đề của cô ấy. Tôi không thể để cô ấy bắt tôi suy nghĩ theo cách của cô ấy."

Trong trạng thái siêu thức, Catherine đã có thể vạch ra thói xấu chính của cả Becky và Stuart. Catherine được thôi miên có thể làm chuyên gia tâm thần học tuyệt vời, trực giác rõ ràng và chính xác. Catherine tỉnh thức không có những thuộc tính này. Nhiệm vụ của tôi là bắc cầu qua vịnh. Bệnh tình thuyên giảm nhanh của cô có nghĩa là một số việc này đang thấm vào. Tôi muốn xây nhiều cầu hơn nữa.

Tôi hỏi, "Cô tin ai?. Hãy nghĩ về việc này. Ai là người cô có thể tin cậy, học hỏi và để gần gũi hơn. Họ là ai?"

Cô thì thào, "Tôi có thể tin ông". Tôi biết việc này, nhưng tôi biết cô cần tin vào những người trong đời sống hàng ngày của cô nhiều hơn nữa.

"Phải, cô có thể. Cô gần gũi tôi nhưng cô cũng phải gần gũi hơn với những người khác ở với cô trong cuộc sống nhiều hơn là tôi có thể." Tôi muốn cô hoàn toàn độc lập, không ỷ lại vào tôi.

"Tôi có thể tin chị tôi. Tôi không biết những người khác. Tôi có thể tin Stuart, nhưng chỉ ở một mức độ nào thôi. Anh ấy không quan tâm đến tôi nhưng anh ấy bồi rối. Trong cái

bồi rối của anh ấy, anh ấy vô tình làm hại tôi."

"Đúng, đó là sự thật. Có người nào khác mà cô tin không?"

"Tôi có tin Robert", cô trả lời. Ông ấy là một bác sĩ khác trong bệnh viện. Họ là những người bạn tốt.

"Vâng, có lẽ có những người khác nữa mà cô sẽ gặp trong tương lai"

"Vâng," cô thừa nhận.

Ý kiến về hiểu biết tương lai hết sức đáng quan tâm. Cô đã rất chính xác về quá khứ. Qua các Bậc Thầy, cô biết những sự việc đặc biệt, bí mật. Có thể họ cũng biết những sự việc về tương lai? Nếu vậy chúng tôi có thể chia sẻ kiến thức biết trước này không? Cả ngàn câu hỏi tràn vào tâm trí tôi.

"Khi cô tiếp xúc với tâm siêu thức của cô như bây giờ, và có trí tuệ này, cô có phát triển khả năng trong lĩnh vực tâm linh phải không? Cô có thể nhìn vào tương lai? Chúng ta đã làm nhiều về quá khứ rồi".

Cô thừa nhận, "Có thể được, nhưng tôi không thấy gì bây giờ."

Tôi lặp lại, "Có thể?"

"Tôi tin như vậy."

"Cô có thể làm việc này mà không sợ hãi không? Cô có thể đi vào tương lai và lấy được tin tức của một người trung lập mà không làm cô sợ hãi không? Cô có thể biết tương lai không?"

Cô trả lời rất nhanh. "Tôi không thấy điều đó. Họ không cho phép". Tôi biết cô có ý nói các Bậc Thầy.

"Họ có ở chung quanh cô bây giờ không?"

"Có"

"Họ đang nói chuyện với cô à?"

"Không. Họ giám sát mọi thứ" Vì bị giám sát, cô không được phép nhìn ngó vào tương lai. Có lẽ chúng ta không đạt được gì cho cá nhân từ một cái nhìn thoáng qua như vậy. Có lẽ cuộc phiêu lưu đã làm cho Catherine quá lo lắng. Có lẽ chúng tôi chưa sửa soạn để đương đầu với thông tin này. Tôi không thúc đẩy việc này.

"Vị thần linh ở gần cô trước đây, Gideon ..."

"Phải"

"Ông ấy cần gì? Tại sao ông ấy ở gần? Cô có biết ông ta không?"

"Không, Tôi không tin như vậy"

"Nhưng ông ta bảo vệ cô khỏi nguy hiểm?"

"Phải"

"Các Bậc Thầy ..."

"Tôi không nhìn thấy họ"

"Đôi khi họ có những thông điệp cho tôi, những thông điệp giúp ông và tôi. Những thông điệp ấy có sẵn có cho cô không kể cả khi họ không nói? Có phải họ đặt tư tưởng vào tâm trí cô không?"

""Phải"

"Họ có giám sát được đi xa đến đâu không? Cô có thể nhớ được gì?"

"Phải"

"Vậy là có một mục đích trong sự giải thích các kiếp sống ..."

"Phải"

"... Cho cô và tôi ... để dạy chúng ta. Để làm cho sợ hãi biến mất khỏi chúng ta."

"Có nhiều cách truyền thông. Họ chọn nhiều cách ... để chứng tỏ họ hiện hữu. Liệu Catherine có nghe giọng nói của họ, mừng tượng những hình ảnh quá khứ và những viễn cảnh, trải nghiệm những hiện tượng tâm linh, hay có những tư tưởng và ý niệm đặt vào tâm trí cô, mục đích cũng giống nhau - để chứng tỏ họ hiện hữu và thậm chí hơn thế, giúp chúng ta, trợ giúp chúng ta trên con đường của chúng ta bằng cách cung cấp cái nhìn thấu đáo và kiên thức, giúp chúng ta thánh thiện qua sự thông thái".

"Cô có biết tại sao họ chọn cô không?"

"Không"

"... đã trở thành một kênh thông tin?"

Đây là một câu hỏi tinh tế, vì Catherine lúc tỉnh không thể nghe những băng tần.

"Không", cô thì thảo luận.

"Việc này làm cô sợ hãi?"

"Đôi khi"

"Những lúc khác thì không sợ hãi?"

"Phải"

Tôi thêm, "Có thể đoán chắc rằng bây giờ chúng ta biết chúng ta bất diệt, cho nên chúng ta mất sự sợ hãi về cái chết."

"Vâng" cô đồng ý. Cô ngưng lại. " Tôi phải

học cách tin" Cô đã trở về với bài học chính của kiếp sống."Khi tôi được bảo cái gì đó, tôi phải học cách tin vào điều được bảo ... khi người ấy có kiến thức."

Tôi thêm, "Chắc chắn có những người không tin"

"Vâng, nhưng tôi bối rối. Và người mà tôi biết, tôi phải tin, tôi phấn đấu chống lại cảm nghĩ đó. Và tôi không muốn tin bất cứ người nào." Cô im lặng trong khi tôi lại ngưỡng mộ sự hiểu biết thấu đáo của cô.

"Lần trước, chúng ta có nói chuyện về cô khi là một em nhỏ, trong vườn với ngựa. Cô còn nhớ không? Đám cưới của chị cô?"

"Một chút thôi"

"Có còn gì để kết luận về thời gian đó không? Cô có biết không?"

"Có"

"Liệu cô đáng quay trở về và thám hiểm việc này không?"

"Không thể trở lại bây giờ được. Có nhiều sự việc trong một kiếp sống ... có quá nhiều kiến thức để đạt được... từ mỗi kiếp sống. Phải, chúng ta phải khám phá nhưng không thể trở về bây giờ."

Cho nên tôi lại quay về mối quan hệ rắc rối của cô với cha cô. "Quan hệ của cô với cha cô là một lĩnh vực khác, một lĩnh vực đã ảnh hưởng sâu xa đến cô trong kiếp sống này." Cô chỉ trả lời "Phải"

"Còn có một lĩnh vực khác chưa thăm dò. Có nhiều điều để học hỏi trong mối quan hệ này. Hãy so sánh việc này với đứa bé trai ở Ukraine bị mất cha lúc còn thơ ấu. Và sự mất mát này không xảy ra cho cô lần này. Và tuy,

có cha cô ở đây, mặc dù khó khăn gian khổ ít hơn..."

Cô kết luận, "Còn hơn là một gánh nặng", cô nói thêm những tư tưởng, "tư tưởng".

"Tư tưởng gì?" Tôi cảm thấy cô đang ở một lĩnh vực khác.

"Về trạng thái và cảm giác. Khi người ta gây mê, ông có thể nghe thấy gì không? Ông vẫn còn nghe thấy !" Cô tự trả lời câu hỏi của cô, bây giờ cô thì thào nhanh, trở nên sôi nổi. " Tâm của ông biết rõ về cái gì đang tiếp diễn. Họ đang nói về sự nghẹt thở của tôi, về khả năng nghẹt thở khi họ giải phẫu họng của tôi." Tôi nhớ lại việc giải phẫu dây âm thanh được thực hiện chỉ ít tháng trước lần hẹn đầu tiên với tôi. Cô đã rất lo âu trước khi giải phẫu, nhưng cô hết sức kinh hoàng sau khi tỉnh lại tại phòng hồi sức. Nhân viên chăm sóc đã phải mất hàng giờ để trấn an cô. Bây giờ có vẻ là những gì mà các bác sĩ phẫu thuật nói trong lúc giải phẫu, khi cô được đánh thuốc mê, đã thúc đẩy nỗi kinh hoàng của cô. Tâm trí tôi vụt quay trở lại trường y khoa và phiên giải phẫu của tôi. Tôi nhớ lại những chuyện tình cờ trong lúc giải phẫu trong khi gây mê cho bệnh nhân. Tôi nhớ lại những chuyện đùa, lời chửi rủa, tranh luận và những cơn thịnh nộ cáu kỉnh của những nhà giải phẫu. Những bệnh nhân đã nghe thấy gì ở mức tiềm thức? Bao nhiêu cái đã bị lưu lại để ảnh hưởng đến tư tưởng và cảm xúc, sợ hãi và lo âu của họ, sau khi họ tỉnh lại? Tiến trình sau giải phẫu, sự hồi phục của bệnh nhân sau giải phẫu, đã có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực bởi những nhận xét trong cuộc giải phẫu? Có ai bị chết vì những khả năng tiêu cực nghe lỏm được trong lúc giải phẫu? Cảm thấy vô vọng, họ đành chịu thua?

Tôi hỏi, "Cô có nhớ họ nói gì không?"

"Họ nói rằng họ đưa cái ống vào. Khi họ lấy

cái ông ra, cuống hòng tôi có thể xung lên. Họ không nghĩ là tôi nghe được."

"Nhưng cô nghe được."

"Đúng. Đó là lý do tại sao tôi có tất cả những khó khăn". Sau hai buổi thôi miên hôm này, Catherine không còn sợ nuốt hay nghẹn. Đơn giản là như vậy. " Cô tiếp tục, "Tất cả những lo âu , tôi nghĩ là tôi có thể nghẹn."

Tôi hỏi. " Cô có cảm thấy thoải mái không?"

"Có. Ông có thể đảo ngược lại cái họ đã làm."

"Tôi có thể không?"

"Được. ông là ... Họ phải rất cẩn thận về điều họ nói. Bây giờ tôi nhớ lại điều đó. Họ đưa cái ông vào cuống hòng tôi. Và rồi tôi không thể nói được để bảo họ điều gì."

"Bây giờ cô cứ tự nhiên ... Cô đã nghe được họ nói".

"Phải, tôi nghe họ nói ... " Cô lại rơi vào im lặng độ một hay hai phút, và bắt đầu quay đầu từ phía này sang phía kia. Dường như cô đang nghe cái gì.

"Hình như cô đang nghe thông điệp. Cô có biết những thông điệp ấy từ đâu đến? Tôi hy vọng các Bậc Thầy xuất hiện."

"Ai đó nói với tôi" đó là câu trả lời khó hiểu của cô.

"Người nào đó nói chuyện với cô?"

"Nhưng họ đi rồi". Tôi cố mang họ trở lại.

"Xem nào liệu cô có thể mang những thần linh quay về với những thông điệp cho chúng ta ... để giúp chúng ta ra không?"

" Họ đến chỉ khi họ muốn, không phải là lúc tôi chọn," cô trả lời một cách quả quyết.

"Cô không làm chủ được việc ấy ư?"

"Không"

"Được rồi", tôi thừa nhận nhưng thông điệp về vụ thuốc mê rất quan trọng với cô. Đó là nguồn gốc cô bị nghẹn".

"Việc đó quan trọng cho ông chứ không phải cho tôi" Cô phản bác lại. Câu trả lời của cô vang lên qua tâm trí tôi. Cô sẽ được chữa trị về nỗi sợ bị nghẹn, tuy sự tiết lộ này quan trọng cho tôi hơn là cho cô. Tôi là người chữa bệnh. Câu trả lời đơn giản của cô chứa đựng ý nghĩa ở nhiều mức độ. Tôi cảm thấy nếu tôi hiểu thực sự những mức độ này , những quãng tám cộng hưởng của ý nghĩa , tôi sẽ tiến tới một cú nhảy lượng tử vào sự hiểu biết những mối quan hệ của con người. Có lẽ sự giúp đỡ còn quan trọng hơn việc chữa lành bệnh.

Tôi hỏi, "Cho tôi giúp cô?"

"Phải. Ông có thể không làm những điều họ làm. Ông đang không làm những điều họ đã làm ...". Cô nghĩ ngợi. Cả hai chúng tôi đều học được một bài học lớn.

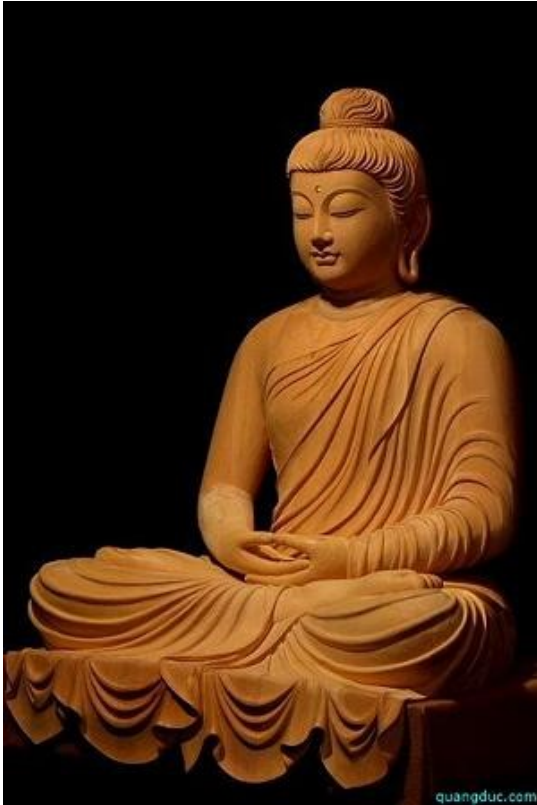
Ít lâu sau ngày sinh nhật thứ ba của con gái tôi, Amy chạy đến tôi và ôm ghì căng chân tôi. Nó nhìn lên và nói, "Thưa cha, con yêu thương cha đến bốn ngàn năm". Tôi nhìn xuống bộ mặt nhỏ nhắn của nó, tôi cảm thấy quá sung sướng.

-ooOoo-

(Còn tiếp)

Bảo Vệ Gia Đình Khỏi Đồ Vỡ

Thiền Sư Thích Nhất Hạnh
Diệu Liên Lạc Dịch



Có một con sư tử mẹ đang đi kiếm ăn. Nó sắp làm mẹ. Buổi sáng đó nó chạy đuổi theo một chú nai. Chú nai con chạy thật nhanh dù sức yếu. Sư tử mẹ dẫu mạnh, nhưng đang mang thai, nên khá chậm chạp.

Sư tử mẹ chạy sau chú nai con rất lâu, khoảng 15 phút, mà vẫn chưa bắt kịp. Sau đó chúng tới một rãnh sâu. Chú nai lẹ làng nhảy qua rãnh, sang bờ bên kia. Sư tử mẹ rất bực tức vì không bắt kịp con mồi, và vì nó đang cần thức ăn cho cả nó và đứa con trong bụng. Vì thế, nó cố hết sức để nhảy qua cái rãnh sâu. Nhưng tai họa đã xảy ra, sư tử mẹ đã sảy đứa con khi cố nhảy qua rãnh. Dẫu qua được bờ bên kia, nhưng sư tử mẹ biết rằng mình đã đánh mất đứa con mà nó đã chờ đợi từ bao lâu, đã yêu thương hết lòng,

chỉ vì một phút vô tâm của mình. Nó đã quên rằng nó đang mang một bào thai trong bụng, và nó cần phải hết sức cẩn trọng. Chỉ một phút lơ đãng, nó đã không giữ được đứa con của mình.

Qua được bờ bên kia, nhưng sư tử mẹ không còn màng đến điều gì nữa. Nó không còn muốn chạy đuổi theo con nai nữa. Không muốn ăn hay uống. Sư tử mẹ nghĩ rằng mình không đáng sống nữa. Sư tử mẹ chỉ còn biết đứng bên rãnh sâu mà khóc. Đó là một trong những câu chuyện đã được Đức Phật kể trong kinh.

Trở về hang, sư tử mẹ rất buồn. Cả tuần nó chẳng muốn ăn uống gì, vì trong lòng quá đau buồn. Đứa con là lý do để nó sống, thì làm sao nó có thể hạnh phúc khi đã mất con? Nhưng với thời gian, sư tử mẹ cũng nguôi ngoai. Nó lại bắt đầu đi săn, cho chính mình vì nó cũng đói. Giờ nó có thể chạy nhanh hơn vì không còn phải mang bào thai trong bụng, nên việc bắt mồi cũng đơn giản đối với nó. Cho đến một ngày kia, khi đang đi trong rừng, nó bắt gặp một chú sư tử con đang leo cây, với một bày khi. Chú sư tử nhỏ leo cây cũng giỏi như bày khi.

Sư tử mẹ suy nghĩ, “Đây đúng là đứa con mà mình nghĩ nó đã chết. Nhưng nhìn kia! Nó vẫn còn sống”. Và đó là sự thật. Khi sư tử mẹ sinh sót con xuống rãnh sâu, có một con khi to ở trên cây đã nhìn thấy hết. Nó nhảy xuống rãnh và đem chú sư tử con về nuôi. Nhờ sữa khi mà sư tử con lớn lên. Nó cũng học trèo cây, học ăn trái cây. Thay vì rống như sư tử, nó học kêu chkk-chkk-chkk-chkk

như khi, và nó đã sống, chơi đùa với bầy khi rất hạnh phúc. Khi mẹ cũng yêu chú sư tử con giống như khi con của mình. Khi con và sư tử con chơi với nhau như anh em, không có sự phân biệt gì giữa chúng. Sư tử con cũng không nghĩ mình là sư tử, chứ không phải là khi.

Ngày đó, sư tử mẹ nhìn thấy con trên cây với bầy khi, nó suy nghĩ, “Con ta vẫn còn sống, nhưng giờ nó đã quen sống như một con khi”. Vì thế, sư tử mẹ không nói gì. Nó hoạch định cách để đem chú sư tử con trở lại nhà.

Vì thế, sư tử mẹ chờ một ngày khi bầy khi không có ở nhà, nó đã đến bên chú sư tử con và nói, “Con không biết mình là sư tử sao? Không biết ta là mẹ con sao?” Sư tử con trả lời, “Bà không phải là mẹ tôi. Mẹ tôi không giống bà. Mẹ cho tôi sữa, mẹ ôm tôi trong vòng tay, bông tôi lên cây. Vậy sao bà dám bảo là mẹ tôi. Tôi rất ghét bà!”

Sư tử mẹ biết rằng mình đã phạm sai lầm – đã nói không khéo léo. Đáng lý nó không được nói thẳng như vậy, nó phải nói khéo hơn. Vì thế, nó quay đi, và suy nghĩ: “Ta phải tìm cách làm quen với con ta, để đem nó về nhà, để hai mẹ con có thể sống trong tình thương yêu?”

Sư tử mẹ chờ đợi thêm 15 ngày nữa, rồi khi thấy sư tử con đang chơi một mình, sư tử mẹ đến bên, nói bằng giọng rất lễ phép, “Con ơi, hôm nay con vui vẻ không? Ta rất vui được gặp lại con. Ta xin lỗi rằng hôm nọ đã nhầm tưởng con là con ta, nhưng ta đã sai. Con là một chú khi con rất dễ thương, ta muốn được kết bạn, muốn chơi đùa với con”.

Sư tử con nghe vậy, nó rất vừa lòng, nên nói, “Được, tôi vui lòng làm bạn với bà. Nhưng với một điều kiện - đừng bao giờ gọi tôi là

sư tử con. Tôi là khi, và bà phải gọi tôi như thế”.

Nhờ lời nói nhẹ nhàng, khéo léo, sư tử mẹ được làm bạn với sư tử con. Chúng chơi với nhau một lúc, rồi sư tử mẹ nói: “Thôi được rồi, giờ ta chia tay, ta sẽ trở lại chơi với con lúc khác nhé”. Sư tử con rất vừa lòng, nó nghĩ: “Bà sư tử này rất lễ phép, không ép ta phải làm điều gì, chơi với bà cũng vui”.

Rồi một ngày kia sư tử mẹ rủ sư tử con đi chơi xa, thật xa, vì chúng đã bắt đầu thân nhau. Sư tử mẹ đã rất kiên nhẫn, vì nó biết rằng, nếu không kiên nhẫn, sẽ không có cách gì để mang sư tử con trở về nhà, trong gia đình, để gặp lại sư tử cha, và cộng đồng sư tử.

Rồi chúng đến bên một dòng nước. Sư tử mẹ nói, “Này con, hãy đến uống nước đi, ta rất khát”. Khi cùng uống nước, bóng của chúng in xuống dòng nước rất rõ ràng. Bỗng nhiên sư tử mẹ nghĩ ra một điều gì, nó nói: “Thôi đừng uống nữa, hãy soi bóng xuống dưới nước chơi đi”.

Khi sư tử mẹ nhìn xuống dòng nước, nó tự thấy mình. Nhưng khi sư tử con nhìn xuống, nó thấy một chú sư tử con. Nó không thấy con khi. Nó chưa bao giờ soi mình dưới nước trước đó. Nó không biết đó là ai. Khi nhìn lên nó thấy một con sư tử, nhưng khi nhìn xuống nước, nó thấy hai, một sư tử mẹ và một sư tử con. Sư tử con bắt đầu nghi ngờ việc nó là khi. Nó suy nghĩ, “Có thể ta không phải là khi”.

Khi sư tử mẹ thấy rằng sư tử con đã bắt đầu nhận ra mình là sư tử, nên nó nghĩ rằng con mình đã chuyển đổi. Vì thế sư tử mẹ rống lên, dồn sức vào hai chân sau để nhảy qua bờ bên kia. Sư tử con cũng làm giống như

thế, nó đã rổng lên như một con sư tử. Đó là lần đầu tiên nó không kêu như khi. Nó nhảy sang bờ bên kia như mẹ nó, và giờ thì nó biết rằng nó là một chú sư tử con. Sau đó sư tử mẹ đi trước, sư tử con theo sau, cả hai đi trở về hang động của sư tử.

Chúng ta cần nhớ đây là câu chuyện Đức Phật đã kể với các đệ tử của Ngài.

Sư tử mẹ đã biết làm thế nào để thờ, và sư tử con cũng biết làm thế nào để thờ. Vì thế từ đó sư tử mẹ bắt đầu dạy cho sư tử con cách cư xử của sư tử: đi như thế nào, đứng như thế nào, nằm, ngồi, nói năng, rổng như thế nào cho giống như một con sư tử. Sư tử con học hỏi rất nhanh, nó có thể làm được tất cả những gì mẹ nó đã dạy trong ba tuần. Giống như 21 ngày trong một khóa tu. Chúng ta cũng có thể học hỏi tất cả mọi thứ trong 21 ngày đó.

Sau khi chú sư tử con đã trưởng thành và trở thành một chú sư tử thực sự, nó bèn nói với sư tử mẹ, “Con biết con không phải là khi. Nhưng con vẫn yêu gia đình khi. Con biết rằng nếu không có họ, con đã chết. Con vẫn thương mẹ khi, thương anh chị em khi, nên mẹ hãy cho con về thăm họ, thăm mẹ khi đã nuôi con lớn”.

Đức Phật dạy rằng tất cả chúng ta đều có huyết thống tốt đẹp. Chúng ta có khả năng hưởng hạnh phúc, tự do, vững chãi. Nhưng vì ta sống trong một xã hội không phù hợp với sự phát triển của chúng ta, nên ta quên rằng mình có thể sống hạnh phúc như những người tự do, vững chãi. Chúng ta có thể ngồi bệ vệ như một con sư tử, mà không phải sợ sệt bất cứ điều gì. Chúng ta có thể đi, đứng, nằm ngồi như một người Giác Ngộ, và trong quá trình đó có thể được rất nhiều hạnh phúc. Nhưng chúng ta được rèn luyện để

sống khác đi. Vì thế khi ăn điếm tâm, chúng ta không biết phải ăn thế nào. Chúng ta ăn mà không có tự do, tự tại. Khi rót sữa vào chén, chúng ta lại nghĩ đến điều gì đó. Chúng ta để cho nỗi buồn giận, lo âu chiếm cứ tâm hồn. Chúng ta không có khả năng có mặt ngay khi ta rót sữa ra chén như một người tự do. Khi ăn một miếng bánh mì, hay chấm bánh mì vào sữa, chúng ta không ý thức mình đang làm việc đó, vì chúng ta không biết có mặt trong hiện tại. Bánh ngon, sữa cũng ngon, nhưng ta ăn như thể chúng chẳng ngon lành gì.

Hãy thử quán sát xem người ta dùng điếm tâm trong thành phố này như thế nào. Họ ăn vội vã làm sao. Ăn như kẻ cướp, kẻ cướp dĩ nhiên sẽ không có thì giờ để ngồi xuống ăn, và nhìn người đối diện. Họ không nhìn thấy ai ở quanh mình. Họ cũng không nhìn thấy món ăn, vì trong đầu họ toàn là những âu lo, buồn rầu, sân hận. Đôi khi chúng ta cũng sân hận đến nỗi ta cảm tờ báo lên trước mặt lúc dùng điếm tâm, để không phải nhìn thấy người chung quanh. Chúng ta đã nhìn thấy họ đủ rồi, và không muốn thấy nữa, nên ta che mặt bằng tờ báo. Điều đó có nghĩa là bữa điếm tâm lại có thêm một nguyên liệu không cần thiết, đó là tờ báo. Tại sao ta cần đọc báo khi đang ăn điếm tâm? Chúng ta sẽ không ăn được đàng hoàng, không nhìn người thân rõ ràng trước khi mỗi người chia tay đi mỗi hướng. Buổi sáng là cơ hội để ngồi lại với nhau và nhìn nhau. Lý ra ta phải rất hạnh phúc, vì có thể dừng lại và nhìn nhau, nhưng ta không làm thế, để rồi cả ngày chúng ta chạy đi làm việc này, việc kia, giống như đang ở trong mộng.

Tôi nhớ lại có lần ở New York, tôi đang dùng điếm tâm thì có người mang đến cho tôi tờ báo - tờ Thời báo New York Chủ nhật. Nó nặng đến gần 2 kg. Làm sao bạn có thể

vừa ăn điếm tâm, vừa đọc được tờ báo nặng 2 kg? Tại sao ta cần đến 2 kg giấy? Người ta cần phải đốn bao nhiêu cây rừng để làm một tờ báo như thế? Nhiều người mua báo mà đâu có đọc, họ chỉ nhìn lướt qua một chút, hay chỉ dùng nó để che mặt khi họ không muốn nhìn người đối diện. Bạn có biết họ quảng cáo thế nào về tờ Thời báo New York không? Họ bảo, “Bạn không cần phải đọc tất cả, nhưng biết rằng có nó ở đó là tốt rồi”. Đó là cách họ quảng cáo, để nếu ta không mua báo, ta cảm thấy thiếu thốn, sợ rằng người ta biết điều gì trong báo mà mình thì không, nên bắt buộc mình phải mua nó.

Cuộc sống của chúng ta ở New York không phải là cuộc sống của một người hạnh phúc, một người tự do, một người vững chãi. Vì thế, chúng ta phải thực tập sống như một người vững chãi, một người tự do.

Vì lỗi lầm của người cha hay mẹ, hay ông bà, chúng ta quên cội nguồn, quê hương nơi chúng ta đến từ đó. Chúng ta quên tổ tiên của ta là Đức Phật, là các vị Bồ-tát, những người có khả năng để sống hạnh phúc, vững chãi, và tự do. Nên chúng ta chạy lòng vòng, và tự đấm mình trong khổ đau. Đức Phật và các vị Bồ-tát đã thể hiện giống như những con sư tử mẹ, đi tìm đàn con đã lạc lối. Chư Phật và các vị Bồ-tát với tấm lòng đầy kiên nhẫn, và tất cả chúng ta như là những chú sư tử con đã lạc đường về. Chúng ta cần phải khéo léo, thông minh, mới có thể tìm được đường trở về nhà. Chúng ta cũng có khả năng được hạnh phúc, an lạc, tự do, vậy mà trong cuộc sống, chúng ta khổ đau, chúng ta chìm đắm. Do gánh nặng của khổ đau, chúng ta làm cho người quanh ta cũng không hạnh phúc. Giờ, ta phải trở về với cha mẹ ruột của mình, học đi, học đứng, học ngồi, học nằm trở lại, học nói, học lắng nghe trở lại, để có thể làm sống lại cung cách của

một con sư tử thật sự. Dầu đã lạc lối, chúng ta cũng không biết học hỏi kinh nghiệm, hay ta đã quên con đường, quên những tập quán, quên cuộc sống có thể mang đến cho ta yếu tố hạnh phúc mà chúng ta cần được hưởng.

Nếu là người Do Thái, tổ tiên của chúng ta là các vị giáo sĩ Abraham và các vương nữ như Sarah, Rebecca và Ruth. Tổ tiên chúng ta có những giới luật riêng của họ, và qua những giới luật này, họ có thể duy trì hạnh phúc và vững chãi trong xã hội của họ. Nhưng vì một số lỗi lầm, một số bất cẩn của cha mẹ hay tổ tiên chúng ta, mà chúng ta quên đi cội nguồn, và chúng ta đã lang thang cùng trời cuối đất mà không nhớ đến cội nguồn, vì thế ta phải khổ đau.

Tổ tiên của chúng ta cũng có thể là Jesus Christ, và qua nhiều thế hệ đã tuân theo văn hóa và những lời dạy tinh thần của chúa Jesus Christ. Họ đã hạnh phúc vì điều này. Họ đã biết thương yêu là như thế nào, nương tựa vào nhau là nhờ các giáo lý này. Nhưng vì lỗi lầm của một vài thế hệ, sai lạc của nhà thờ, chúng ta đã bỏ các giáo đoàn. Chúng ta đã hận thù giáo đoàn của mình, và đi tìm một con đường tâm linh khác. Chúng ta đi tìm Phật giáo, đi tìm Ấn Độ giáo, và chúng ta nghĩ là hạnh phúc không thể có trong cội rễ Thiên Chúa Giáo.

Có lẽ vì chúng ta là người Việt Nam, và vì những bất hạnh lớn, vì những lỗi lầm của các vị lãnh đạo, chúng ta phải từ bỏ quê hương, đi tìm một cuộc sống xa lạ đối với chúng ta, phải học đi, đứng, nghĩ suy, và hành động không giống như cách sống của tổ tiên chúng ta. Và chúng ta đã mang khổ đau, dẫn dắt đến cho tâm hồn, cho thân xác chúng ta, khi chúng ta rời bỏ quê hương. Chúng ta không biết mình có những cội nguồn này. Chúng ta nghĩ rằng mình thuộc

dòng giống khác, và chúng ta nghĩ rằng mình sẽ không trở về lại với cội nguồn.

Chúng ta là hoa sen với hương sắc diệu kỳ, nhưng chúng ta đã đánh mất hương sắc của hoa sen, chúng ta không nhận ra mùi hương của hoa sen là mùi hương của chúng ta. Ta đi mua nước hoa để thoa lên người, và cho rằng đó là mùi hoa của chúng ta, và trong quá trình trôi lăn như thế chúng ta đã học được bao điều tiêu cực trong xã hội mà chúng ta mới du nhập đến. Xã hội đó cũng có những điều tốt đẹp. Chúng có mặt trong môi trường mới này, nhưng để biết được những điều tốt đẹp này trong xã hội mới, chúng ta cần có người dìu dắt. Văn hóa Mỹ có nhiều khía cạnh tốt đẹp, tuyệt vời, mà chúng ta có thể học hỏi, hàm ân và sử dụng, giống như chú sư tử con có thể học được những điều mới lạ từ gia đình khi kia. Nhưng vì chúng ta không có người dìu dắt, hướng dẫn, chúng ta để cho những rác rưởi của xã hội phương Tây mà ta đang sống ở đó, trùm phủ chúng ta. Chúng ta không chọn lựa những châu báu của xã hội phương Tây, mà chúng ta chỉ nhận lấy rác rưởi của xã hội phương Tây để đeo lên người. Những đốn đau, bất hạnh của việc sử dụng ma túy, của tình dục bừa bãi, là những rác rưởi của văn hóa phương Tây. Khi ta bỏ những thứ đó vào đầu, vào lòng ta, thì thân tâm ta sẽ khổ đau, và ta sẽ khiến cha mẹ ta khổ đau, tổ tiên ta khổ đau.

Chúng ta không biết rằng có châu báu, có những giá trị trong xã hội phương Tây mà ta có thể học hỏi để làm giàu thêm cho văn hóa của bản thân. Ta cần biết rằng trong văn hóa của chính mình, trong văn hóa Việt Nam, cũng có châu báu, và chúng ta phải gom góp chúng lại, học hỏi, vì chúng ta đến từ văn hóa đó, đó là nền tảng của chúng ta. Nhưng vì chúng ta giận hờn cha mẹ, chúng ta không

thể nói chuyện, trao đổi với họ. Do đó cha mẹ chúng ta không thể chuyển giao cho chúng ta châu báu, những tinh hoa của truyền thống, phong tục cổ truyền.

Nếu cha mẹ không thể nói chuyện với con cái họ, làm sao họ có thể chuyển giao cho chúng những giá trị và đức hạnh đã được trao lại từ truyền thống qua bao thế hệ? Nhưng giữa thế hệ của những người trẻ và người lớn tuổi có hố phân cách lớn. Một trong những lý do là thế hệ của người lớn quá bận rộn, họ có quá nhiều công việc, và thế hệ tuổi trẻ cũng bận rộn không kém. Cả ngày cha mẹ đều bận rộn, cả ngày con cái cũng bận rộn, buổi tối khi họ trở về nhà, tất cả ai cũng đều mệt mỏi, và họ dễ quạu; bực bội phát sinh do họ mệt mỏi. Không có bên nào biết làm sao để lắng nghe sâu lắng, làm sao để nói những lời yêu thương, hòa hợp. Do đó, khoảng cách giữa hai thế hệ càng ngày càng lớn rộng, và thế hệ tuổi trẻ cảm thấy đau khổ, thế hệ người lớn cũng cảm thấy đau đớn không kém. Cuối cùng thế hệ tuổi trẻ không còn có thể nhìn thế hệ người lớn, và cha mẹ không thể nhìn con cái họ, vì cả hai bên đều quá đau khổ vì nhau. Chúng ta chưa thể tiếp nhận cách sống từ văn hóa dân tộc, văn hóa tâm linh, và do đó chúng ta không biết nghệ thuật sống. Và trong sự quên lãng này, trong sự vụng về, đại khờ này, chúng ta gây ra lỗi lầm, giống như khi con sư tử mẹ phóng sang bên bờ rãnh sâu, trong một phút lãng quên đã làm sảy con xuống hố sâu.

Đã có bao nhiêu bà mẹ, ông cha đau khổ vì đánh mất con mình? Tại sao họ mất con? Vì họ đã vô tâm, vì họ vụng về. Điều này không chỉ đúng cho cha mẹ người Việt Nam, mà cũng đúng cho các bậc cha mẹ người Tây phương. Vì có quá nhiều cha mẹ người Tây phương quá bận rộn, họ không có chánh

niệm, họ vụng về, do đó, họ cũng đã đánh mất con cái mình. Dầu họ không có cùng văn hóa như người Việt Nam chúng ta, họ cũng đã mất con trai, con gái họ, giống như người Việt Nam đến sống ở Tây phương. Người Việt Nam đau khổ hơn người Tây phương, không chỉ vì sự cách biệt tuổi tác, mà còn vì cách biệt văn hóa giữa hai thế hệ. Dầu người Tây phương không có sự cách biệt văn hóa, như đối với người Việt Nam, nhưng họ có sự cách biệt tuổi tác. Có thể văn hóa của thế hệ này khác với thế hệ kia, và cha mẹ không thể chấp nhận văn hóa của thế hệ tuổi trẻ. Các kiểu tóc của người trẻ bây giờ rất khác với thế hệ cha ông, và chỉ kiểu tóc thôi cũng đã làm thế hệ cha mẹ phải không bằng lòng với con cái họ. Những người trẻ Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, âm nhạc mà giới trẻ lắng nghe làm nhức đầu thế hệ cha ông. Cha mẹ rất ngạc nhiên rằng con cái họ lại có thể nghe được loại âm nhạc đó. Không chỉ các gia đình Việt Nam sống ở Tây phương có vấn đề về sự khác biệt giữa các thế hệ, mà các gia đình phương Tây cũng có những vấn đề này.

Đó là một bi kịch khi cha mẹ không còn có thể nhìn con cái họ nữa, không còn hạnh phúc khi nhìn nhau nữa, vì thế khi ngồi ăn cùng nhau, họ không hạnh phúc. Vì không có hạnh phúc, chúng ta đặt tờ bảo trước mắt mình, để không phải nhìn thấy các thành viên khác trong gia đình. Có những gia đình mà không ai muốn nhìn mặt ai, họ chỉ muốn nhìn về hướng khác. Đó không phải là hướng của những lý tưởng chung, đó là hướng của chiếc truyền hình. Nhìn vào hướng đó để bớt khổ đau, để quên khổ đau. Họ đang chạy trốn khỏi thực tại, thực tại của khổ đau. Nhìn người thân, ta không còn cảm thấy họ thân thiết nữa. Gương mặt họ luôn khổ đau, và khi những người này nhìn lại

chúng ta, họ cũng không thấy gì ngoài khổ đau trên gương mặt ta. Do đó dường như ta đã có một hiệp ước ngầm rằng cả hai bên đều nhìn vào truyền hình, để không còn khổ đau nữa. Đó là những gì đang xảy ra trong rất nhiều gia đình, dầu chúng ta làm như nó không đang xảy ra. Giờ ta phải có can đảm nhìn thẳng vào sự thật và tự hỏi mình, tại sao? Tại sao ta để cho điều đó xảy ra?

Sư tử mẹ đã phạm một lỗi lầm: bà đã để sư tử con rơi rớt, để mất nó. Chúng ta cũng thế: chúng ta đánh mất con cái mình vì sự đại khờ của chúng ta, và con cái chúng ta cũng không còn cha mẹ, dầu chúng ta vẫn còn ở cõi đời này. Nhưng cha mẹ không thể yêu thương con cái họ nữa, không thể ôm ấp chúng nữa, không thể ngồi ăn với chúng nữa, và con cái không còn thấy giá trị của cha mẹ nữa. Đó là một bi kịch lớn, không chỉ cho người tỵ nạn Việt Nam ở phương Tây, mà còn cho cả những người đã có mặt ở đó lâu hơn. Có những người cha mẹ khi thức giấc, giống như con sư tử mẹ khi thức giấc, nhận ra được sự vụng về của mình, những lầm lỗi mình đã phạm trong quá khứ, và họ tu tập để mang những đứa con trở về. Chúng ta biết rằng sư tử mẹ rất kiên nhẫn, đầy tình thương, dầu đôi khi nó phải nói những điều không muốn nói, những điều rất khó nói như: “Này con, ta rất lấy làm tiếc, nhưng con không phải là sư tử con, mà con là khi, ta đã không tế nhị”. Bạn có thể thấy là sư tử mẹ rất đau khổ khi nói lên những lời ấy. Nhưng vì yêu thương chú sư tử con mà nó phải nói lên những điều này.

(Còn tiếp)

Câu chuyện về người tỳ-kheo đầu tiên bị loại khỏi Tăng đoàn

Hoang Phong chuyên ngữ

Lời mở đầu của người chuyên ngữ

Trong Tạng Luật có nêu lên trường hợp một người tỳ-kheo nhận định sai lầm cho rằng lạc thú tình dục không hẳn là một sự chướng ngại, Đức Phật thì lại giảng rằng các lạc thú giác cảm mang lại "rất ít thỏa mãn, nhưng thật nhiều khổ đau, thật nhiều tuyệt vọng cùng những điều bất lợi to lớn nhất". Mặc dù Tăng đoàn đã ba lần thuyết phục thế nhưng người tỳ-kheo này vẫn khăng khăng không từ bỏ ý nghĩ sai lầm đó của mình. Tăng đoàn đành áp dụng quy luật "đình chỉ" (ukkhepaniyakamma), loại người tỳ-kheo này ra khỏi Tăng đoàn, ít nhất cho đến khi nào có một quyết định khác hơn (Cullavagga / Tiểu Phẩm, Cv I, 34) (Vin. iV.135) (Cv I. 32.1-3).

Nói chung người tu hành phải tuyệt đối tuân thủ bốn điều cấm kỵ trong giới luật Pārājika (Ba-la-di / "Trọng cấm") : 1) các hành vi tính dục (giao cấu tính dục), 2) cố tình sát nhân (hay xúi giục người khác sát nhân), 3) trộm cắp, 4) khoe khoang mình đạt được một cấp bậc thiền định nào đó hay thực hiện được các phép màu nhiệm, v.v. Người tỳ-kheo vi phạm một trong các giới cấm này sẽ bị khai trừ khỏi Tăng đoàn, tức khắc và vĩnh viễn. Người tỳ-kheo trong câu chuyện trên đây chỉ bị "đình chỉ", tức là tạm thời bị loại khỏi Tăng đoàn, điều đó phải chăng là vì người tỳ-kheo này không vi phạm vào hành động cụ thể mà chỉ vì bướng bỉnh không buông bỏ một sự suy nghĩ lệch lạc trong tâm trí mình ?

Câu chuyện đến tai của Đức Phật, Ngài cho gọi người tỳ-kheo này đến để quở trách. Sau đó Ngài thuyết giảng cách phải hiểu Dhamma

(Giáo huấn) của Ngài như thế nào. Đây là nguyên nhân đưa đến bài kinh *Alagaddūpama Sutta (MN 22)*. Để giải thích về điều đó Đức Phật dựa vào hai cách ẩn dụ khác nhau : cách thứ nhất là phải thận trọng trong việc nắm bắt ý nghĩa trong các lời giảng của Ngài, tương tự như nắm bắt một con rắn ; cách thứ hai là chỉ nên xem những lời giảng đó như là một chiếc bè, một phương tiện giúp mình vượt sang bờ bên kia.

Sau đó Đức Phật giảng thêm về một giáo lý vô cùng khúc triết và độc đáo, đó là giáo lý "không có cái tôi", kinh sách Hán ngữ gọi là "vô ngã". Một số các bản dịch cũng như một số bài bình giảng về bài kinh này thường chỉ tập trung và xoay quanh hai cách ẩn dụ trên đây, nhưng không quan tâm đúng mức vào phần chủ yếu của bài kinh là giáo lý "không có cái tôi" ("vô ngã"). Nhận xét này cũng đã được nhà sư Thanissaro Bhikkhu nêu lên trong lời mở đầu của ông khi dịch bài kinh này. Thật vậy, giáo lý "không có cái tôi" rất khó nắm bắt một cách đúng đắn.

Bản chuyên ngữ dưới đây của bài kinh *Alagaddupama* chủ yếu được dựa vào bản dịch tiếng Anh của nhà sư Thanissaro Bhikkhu, đồng thời cũng được đối chiếu với một số bản dịch tiếng Anh và tiếng Pháp khác, kể cả các bản dịch tiếng Việt. Thật ra hầu hết các bản dịch sang tiếng Anh và tiếng Pháp được tham khảo đều ít nhiều dựa vào bản dịch của nhà sư Thanissaro Bhikkhu, thế nhưng cũng có một số khác biệt thứ yếu giữa các bản dịch này.

Người tỳ-kheo có ý nghĩ lệch lạc trong bài kinh trên đây mang tên là Arittha, tên gọi này được kèm thêm một biệt danh là

gaddhabadhiputta, tiền ngữ *gaddho* có nghĩa là chim kên-kên, chữ giữa *badhi* có nghĩa là đánh bẫy, hậu ngữ *pubbo* có nghĩa là trước đây hay trước kia. Tóm lại biệt danh này có nghĩa là trước kia người tỳ kheo này từng là một người săn bắt chim kên kên. Thế nhưng các bản dịch thường không thống nhất về ý nghĩa của biệt danh này, một số cho rằng người tỳ kheo này trước kia làm nghề huấn luyện chim ưng, hoặc chim kên kên, v.v... Nhà sư Thanissaro Bhikkhu thì dịch là "người tỳ-kheo Arittha trước kia thuộc vào những người giết-chim-kên-kên (the monk Arittha Formerly-of-the-Vulture-Killers), có thể đây là một cách dịch trực tiếp ý nghĩa và chủ đích của ngành nghề này là giết các con chim kên kên. Thật vậy giống chim xâu xí, mõ quạ, cổ và ngực thường trụi lông là một giống chim ăn xác chết, không mấy ai thích. Người tỳ-kheo trước khi đi tu là một người săn bắt các con chim này để giết đi, có thể là vì chúng thường lai vãng ở các khu hỏa táng chẳng? Đôi với tên gọi của người tỳ-kheo là Arittha, nếu tra các tự điển tiếng Pali thì chữ này là một tính từ, có nghĩa là *bất hạnh* hay *đáng thương*, và nếu ở thể dạng danh từ thì có nghĩa là người bất hạnh hay đáng thương, ngoài ra cũng có nghĩa là con quạ hay tên gọi của một vài loại cây. Vì vậy, chữ Arittha cũng có thể chỉ là một biệt danh, cho biết người tỳ-kheo là một người Bất hạnh, kém may mắn. Cách gọi đó phải chăng là để tránh không gọi đích danh một người phạm lỗi. Biệt danh thứ hai là Người-săn-bắt-chim-kên-kên phải chăng cũng là một cách gián tiếp nói lên là người tỳ-kheo Arttha không phải là một người có kiến thức cao.

Ngoài ra các lời giới thiệu và bình giải của nhà sư Thanissaro Bhikkhu về bài kinh này cũng sẽ được dịch và đặt trong phần phụ lục ở cuối bản dịch. Sau hết, một số các bản dịch và các bài giảng khác nhau về bài kinh này cũng sẽ được liệt kê trong phần ghi chú giúp đọc giả truy tìm và xem thêm nếu cần.

□□□

Bài kinh về sự so sánh với một con rắn *Alagaddupama Sutta MN 22*

(dựa theo bản dịch Anh ngữ của nhà sư
Thanissaro Bhikkhu)

Tôi từng được nghe như vậy, lúc đó Đấng Thế Tôn đang ngụ tại thành Savatthi (Xá vệ), trong khu rừng chồi Jeta (Kỳ-đà lâm / Kỳ Viên) nơi này cũng là công viên do Anathapindika (Cấp Cô Độc) thiết lập. Vào dịp đó, quan điểm tai hại (*ditthagata*, *ditthi* có nghĩa là quan điểm, ý niệm ; *gata* có nghĩa là sai lầm, lệch lạc, méo mó) sau đây đã hiện lên với người tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn bắt-chim-kên-kên, "*Theo tôi hiểu về Dhamma do Đấng Thế Tôn giảng dạy thì các hành động mà Đấng Thế Tôn bảo rằng là các chương ngại, thế nhưng nếu cứ buông mình vào các thứ ấy (chạy theo các thứ ấy, tìm sự thích thú trong các thứ ấy) thì thấy chúng không hẳn là các thứ chương ngại*". Một số đồng tỳ-kheo nghe nói : '*Người ta đồn rằng quan điểm tai hại sau đây đã hiện lên với người tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên*' : '*Theo tôi hiểu về Dhamma do Đấng Thế Tôn giảng dạy thì các hành động mà Đấng Thế Tôn bảo rằng là các chương ngại, thế nhưng nếu cứ buông mình vào các thứ ấy thì thấy chúng không hẳn đúng thật là các chương ngại*'. [Sau khi nghe đồn như thế] đám đồng các tỳ-kheo bèn kéo nhau đi tìm tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên. Khi gặp được người này thì họ cất lời hỏi : "*Này bạn Arittha, có phải quan điểm sau đây đã hiện lên trong tâm trí bạn : 'Theo tôi hiểu về Dhamma do Đấng Thế Tôn giảng dạy thì các hành động mà Đấng Thế Tôn bảo rằng là các chương ngại, thế nhưng nếu cứ buông mình vào các thứ ấy thì thấy chúng không hẳn là các thứ chương ngại*'".

"*Quả đúng là như thế. Theo tôi hiểu về Dhamma do Đấng Thế Tôn giảng dạy thì các hành động mà Đấng thế Tôn bảo rằng là các chương ngại, thế nhưng nếu cứ buông mình vào các thứ ấy thì thấy chúng không hẳn là các thứ chương ngại*".

Đám đông tỳ-kheo bèn cố gắng thuyết phục tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên hãy gạt bỏ quan điểm tai hại ấy đi, ngoài ra họ còn vặn hỏi và quở trách như sau: "Này bạn Arittha, không nên ăn nói như thế. Không nên gán cho Đấng Thế Tôn là sai lầm. Cho rằng Đấng Thế Tôn sai lầm là điều không tốt. Đấng Thế Tôn không hề nói lên những điều như thế. Này bạn, Đấng Thế Tôn từng nêu lên bằng nhiều cách khác nhau về các hành động gây ra chướng ngại, và nếu cứ buông mình vào các hành động ấy thì chúng sẽ trở thành những thứ chướng ngại đích thật. Đấng Thế Tôn bảo rằng sự thích thú giác cảm (trong trường hợp này là các lạc thú tính dục. Đối với người tu hành sự giao cấu tính dục là tội đưng vào hàng đầu) mang lại rất ít thỏa mãn, nhưng thật nhiều khổ đau, thật nhiều tuyệt vọng cùng những thứ bất lợi to lớn nhất (hậu quả che dấu phía sau các lạc thú dục tính là sự bảm víu, thèm khát, hận thù, ganh ghét, ghen tuông, sinh đẻ..., đưa người tu hành vào một tình trạng xao động và bấn loạn thường xuyên, khiến người tu hành rơi ra bên ngoài con đường mà mình đã chọn. Đam mê tính dục là hậu quả phát sinh từ bản năng truyền giống). Đấng Thế Tôn so sánh các sự thích thú giác cảm với các khúc xương nối liền với nhau (bộ xương người), đầy khổ đau, tuyệt vọng cùng những điều bất lợi to lớn nhất. Đấng Thế Tôn so sánh các sự thích thú giác cảm với một đồng thịt (ôm thân thể kẻ khác cũng tương tự như ôm một đồng thịt hôi hám, che dấu bên trong là bộ xương người) đầy khổ đau, tuyệt vọng cùng những điều bất lợi to lớn nhất. Đấng Thế Tôn so sánh các sự thích thú giác cảm với một bó đuốc kết bằng cỏ khô...(một ngọn lửa chóng tàn), một hó than hồng..., một giấc mơ..., của cải vay mượn (không phải thật sự là của mình mà chỉ là một món nợ)..., hoa quả trên cành (sẽ hư thối và rơi xuống đất)..., con dao và tấm thớt của người bán thịt..., thanh kiếm và ngọn giáo..., đầu của một con rắn, tất cả các thứ ấy mang đầy khổ đau, tuyệt vọng cùng những điều bất lợi to lớn nhất. Dù các tỳ-kheo khác vặn hỏi đủ điều và quở trách, thế nhưng tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên, vì cố chấp và bám víu vào quan điểm

tai hại của mình nên vẫn cứ khẳng khẳng nói rằng : "Vâng, đúng thật là như thế. Theo tôi hiểu Dhamma do Đấng Thế Tôn giảng dạy thì các hành động mà Đấng Thế Tôn bảo rằng là các thứ chướng ngại, thế nhưng nếu cứ buông mình vào các thứ ấy thì thấy chúng không hẳn là các thứ chướng ngại"

Vì vậy, khi các tỳ-kheo không còn cách nào thuyết phục được tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên nên loại bỏ quan điểm tai hại đó, thì họ tìm đến Đấng Thế Tôn, và khi gặp Ngài thì họ cúi đầu vái chào và ngồi sang một bên. Sau khi an tọa thì họ thuật lại [với Đấng Thế Tôn những gì đã xảy ra].

Đấng Thế Tôn bèn bảo một người tỳ-kheo : "Này tỳ-kheo, hãy nhân danh ta đi gọi tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên và bảo rằng: 'Này Arittha Vị Thầy gọi bạn đây'.

Người tỳ-kheo đáp lại: "Vâng, thưa Thế Tôn", và đi tìm tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên, khi gặp được người tỳ-kheo này thì bảo rằng: "Này bạn Arittha, Vị Thầy sai tôi đến gọi bạn đây".

Người tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên bèn đáp lại "Theo lời bạn nói tôi sẽ đến ngay". Người tỳ-kheo này bèn tìm đến Đấng Thế Tôn, khi gặp Ngài thì cúi đầu vái chào và ngồi sang một bên. Sau khi người tỳ-kheo an tọa, thì Đấng Thế Tôn cất lời như sau : "Này Arittha, có đúng là quan điểm tai hại sau đây 'Theo tôi hiểu về Dhamma do Đấng Thế Tôn giảng dạy thì các hành động mà Đấng Thế Tôn bảo rằng là các chướng ngại, thế nhưng cứ buông mình vào các thứ ấy thì thấy chúng không hẳn là các thứ chướng ngại' đã hiện lên với tỳ-kheo hay không ?"

"Vâng, thưa Thế Tôn, quả đúng là như vậy, theo tôi hiểu về Dhamma do Thế Tôn giảng dạy thì các hành động mà Thế Tôn bảo rằng là các chướng ngại, thế nhưng nếu cứ buông mình vào những thứ ấy thì thấy chúng không hẳn là những thứ chướng ngại"

"Quả tỳ-kheo là một người vô tích sự (worthless). Tỳ-kheo học với ai cách hiểu đó về Dhamma do ta giảng dạy? Nay người tỳ-kheo vô tích sự, nhiều lần ta đã giải thích về các hành động gây ra các chướng ngại. Khi buông mình vào các hành động đó thì chúng sẽ trở thành các thứ ngại đích thật. Ta từng giảng rằng sự thích thú giác cảm mang lại rất ít thỏa mãn, nhưng thật nhiều khổ đau, thật nhiều tuyệt vọng cùng những điều bất lợi to lớn nhất. Ta từng so sánh các sự thích thú giác cảm với những khúc xương dính liền với nhau..., một đồng thịt..., một bó cỏ khô..., một hồ than hồng..., một giấc mơ..., của cải vay mượn..., hoa quả trên cành..., con dao và tấm thớt của người bán thịt..., thanh kiếm và ngọn giáo..., đầu của một con rắn, tất cả chỉ mang lại thật nhiều khổ đau, thật nhiều tuyệt vọng cùng những điều bất lợi to lớn nhất. Thế nhưng tỳ-kheo, một người vô tích sự, vì sự nắm bắt sai lầm [về Dhamma] không những gây tai tiếng cho [tất cả] chúng ta mà còn làm tổn thương cho cả chính mình, đánh mất hết sự xứng đáng của mình, gây ra thêm tai hại và khổ đau cho mình trong lâu dài".

Sau đó Đấng Thế Tôn hướng vào tất cả các tỳ-kheo và hỏi như sau: "Vậy, các tỳ-kheo nghĩ như thế nào? Có phải tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên không còn tha thiết đến Dhamma và Vinaya (Giới luật) nữa hay chăng?"

"Thưa Thế Tôn, làm thế nào tỳ-kheo ấy còn có thể tha thiết [với Dhamma] được nữa?"

Sau khi nghe những lời nói đó, người tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên tiếp tục ngồi yên, hô thẹn, hai vai xệ xuống, cúi mặt, lảm bầm, không nói được lời nào.

Khi thấy người tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên tiếp tục ngồi yên, hô thẹn, hai vai xệ xuống, cúi mặt, miệng lảm bầm, không nói được lời nào, Đấng Thế Tôn cất lời như sau: "Tỳ-kheo quả là người vô tích sự, ai cũng biết tỳ-kheo có quan điểm tai hại đó. [Thế nhưng] ta vẫn cứ vặn hỏi thêm các tỳ-kheo khác

về chuyện này"

Đấng Thế Tôn bèn quay sang các tỳ-kheo khác và hỏi như sau: "Có phải các tỳ-kheo hiểu Dhamma do ta thuyết giảng đúng theo cách hiểu của tỳ-kheo Arittha trước kia làm nghề săn-bắt-chim-kên-kên, vì sự nắm bắt sai lầm của mình [về Dhamma] không những gây tai tiếng cho [tất cả] chúng ta mà còn làm tổn thương cho cả chính mình và đánh mất hết sự xứng đáng của mình hay không?"

"Thưa Thế Tôn, chúng tôi không hề hiểu như thế! Hơn nữa, bằng nhiều cách Thế Tôn từng giảng rằng các hành động đó sẽ gây ra chướng ngại, khi buông mình vào các thứ ấy thì chúng sẽ trở thành các chướng ngại đích thật. Đấng Thế Tôn từng giảng rằng các thứ thích thú giác cảm mang lại rất ít thỏa mãn, nhưng thật nhiều khổ đau, thật nhiều tuyệt vọng cùng những điều bất lợi to lớn nhất. Đấng Thế Tôn từng so sánh các lạc thú giác cảm với những khúc xương dính liền với nhau, thật nhiều khổ đau, thật nhiều tuyệt vọng cùng những điều bất lợi to lớn nhất. Đấng Thế Tôn từng so sánh các sự thích thú giác cảm với một đồng thịt..., một bó đũa kết bằng cỏ khô..., một hồ than hồng..., một giấc mơ..., của cải vay mượn..., hoa quả trên cành..., con dao và tấm thớt của người bán thịt..., thanh kiếm và ngọn giáo..., đầu của một con rắn, tất cả chỉ mang lại thật nhiều khổ đau, thật nhiều tuyệt vọng cùng những điều bất lợi to lớn nhất".

"Này các tỳ-kheo, quả là điều tốt khi hiểu được Dhamma do ta giảng dạy đúng như vậy, sở dĩ ta từng thuyết giảng bằng nhiều cách khác nhau là nhằm nêu lên các hành động đó là những gì sẽ gây ra chướng ngại, khi buông mình vào các hành động đó thì chúng sẽ trở thành các thứ chướng ngại đích thật. Ta từng nói rằng các lạc thú giác cảm mang lại thật ít thỏa mãn, nhưng thật nhiều khổ đau, thật nhiều tuyệt vọng cùng các điều bất lợi to lớn nhất. Ta từng so sánh các lạc thú giác cảm với các khúc xương dính liền nhau với thật nhiều khổ đau, thật nhiều tuyệt vọng cùng những điều bất lợi to lớn nhất. Ta từng so sánh các lạc thú giác cảm với một đồng

thịt..., một bó đuốc kết bằng cỏ khô..., một hồ than hồng..., một giấc mơ..., của cái vay mượn..., hoa quả trên cành..., con dao và tấm thớt của người bán thịt..., thanh kiếm và ngọn giáo..., đầu của một con rắn, tất cả chỉ mang lại thật nhiều khổ đau, thật nhiều tuyệt vọng cùng những điều bất lợi to lớn nhất. Thế nhưng tỳ-kheo, một người vô tích sự, vì sự nắm bắt sai lầm của mình [về Dhamma], không những gây tai tiếng cho [tất cả] chúng ta, mà còn làm tổn thương cho cả chính mình, đánh mất sự xứng đáng của mình, gây ra thêm tai hại và khổ đau cho mình trong lâu dài. Bởi vì một người nào đó khi đã buông mình vào các thứ lạc thú giác cảm thì không sao tránh khỏi đắm mê các thứ giác cảm, đắm mê các sự cảm nhận, ám ảnh bởi các ý nghĩ liên quan đến các thứ giác cảm. Điều đó không sao tránh khỏi được.

So sánh với một con rắn

"Này các tỳ-kheo, có những người vô tích sự học hỏi Dhamma nhờ vào việc thảo luận, các câu chuyện thuật lại bằng thi phú hay văn xuôi, các bài thuyết giảng, các bài kệ, các câu tụng, lịch sử các nhân vật, các sự kiện lạ lùng, các khóa hỏi đáp (trong mục đích tìm hiểu và học hỏi Dhamma / Giáo huấn của Đức Phật). [Thế nhưng] sau khi được học hỏi Dhamma [như thế] họ vẫn không đoan chắc được là mình đã hiểu được ý nghĩa của các Dhamma ấy (nhà sư Thanissaro cho biết chữ Dhamma vụt chuyển sang số nhiều trong trường hợp trên đây không có nghĩa là các hiện tượng / phenomena mà là những lời giảng dạy / teachings của Đức Phật, biểu trưng cho chiếc bè trong một phân đoạn dưới đây - ghi chú số 5 trong bản dịch của nhà sư Thanissaro) qua khả năng suy xét của mình. Chỉ vì lý do không thấu triệt được vững chắc ý nghĩa trong các Dhamma đó (các lời giảng của Đức Phật) qua khả năng suy xét của mình, nên họ không đồng tình (thỏa thuận, đồng ý) với nhau về những gì mà họ đã cố gắng suy ngẫm. Họ học hỏi Dhamma vừa là để đả kích kẻ khác, vừa là để bảo vệ [quan điểm của] mình trong các cuộc tranh biện.

(Trong hai thế kỷ sau sự tịch diệt của Đức Phật, Dhamma do Đức Phật thuyết giảng đã biến thành hàng chục tông phái và học phái khác nhau, gộp chung trong hai trường phái lớn là Sthaviravadin và Mahasamghika. Một thế kỷ sau dưới triều đại của vua Azoka tình trạng này vẫn tiếp tục ngày càng trở nên hỗn loạn hơn. Vua Azoka đã phải đứng ra tổ chức lần kết tập Dhamma / Đạo pháp lần thứ ba, nhằm chỉnh đốn lại Dhamma của Đức Phật, và cũng chính vị vua này đã trực tiếp sát hạch từng vị sư một trước khi cho phép họ tham dự đại hội. Sự kiện trên đây cho thấy Đức Phật biết trước Dhamma do mình thuyết giảng sẽ gặp phải những sự diễn đạt lệch lạc sau này).

"[Do đó] họ không đạt được mục đích của những người học hỏi Dhamma. Cách nắm bắt sai lầm của họ về các Dhamma đó sẽ mang lại bất hạnh và khổ đau cho họ trong lâu dài. Tại sao lại như vậy? Nguyên nhân chính là sự nắm bắt sai lầm các Dhamma

(Sự phổ biến Dhamma của Đức Phật trên khắp các lục địa là cả một cuộc phiêu lưu thật lâu dài, do đó không sao tránh hết được những sự hiểu sai, những sự thêm thắt đủ loại. Những lời thuyết giảng trên đây Đức Phật cho thấy Ngài đã biết trước các chuyện đó. Đúng như lời tiên đoán của Ngài, ngày nay chúng ta học hỏi Dhamma nhờ vào "sự thảo luận, các câu chuyện thuật lại bằng thi phú hay văn xuôi, các bài thuyết giảng, các bài kệ, các câu tụng, lịch sử các nhân vật nổi tiếng, các sự kiện lạ lùng (linh thiêng), các khóa hỏi đáp" v.v., Vậy, qua các cách học hỏi đó chúng ta có đoan chắc được những gì mình học hỏi có trung thực với những lời giảng dạy của Đức Phật không, hay chỉ là những sự thêm thắt và sáng chế đủ loại, hoặc những sự hiểu biết tưởng tượng hoặc bên cạnh hay không? Chúng ta có nắm bắt được con rắn hay chỉ vuốt ve cái đuôi của nó?).

"Giả sử có một người nào đó cần có một rắn, người này tìm cách bắt một con rắn và đi tìm con rắn đó. Khi trông thấy một con rắn thật to thì người này có thể là sẽ nắm vào thân hay

đuôi nó. Con rắn sẽ quay đầu lại cắn vào bàn tay hay cánh tay của người này, khiến người này phải chịu đựng sự đau đớn của cái chết, hoặc sự đau đớn tương tự như sự đau đớn của những người sắp chết. Tại sao lại như vậy? Nguyên nhân là việc nắm bắt con rắn của người này không đúng cách. Cũng vậy, có nhiều người không đủ khả năng (*worthless vô tích sự*), học hỏi Dhamma..., Sau khi học hỏi, họ không thấu triệt được thật vững chắc ý nghĩa trong các Dhamma đó qua khả năng suy xét của họ, vì thế nên họ không thể đồng tình với nhau về những gì mà họ đã cố gắng suy ngẫm. [Sở dĩ] họ ra sức học hỏi là vừa để đã kích kẻ khác vừa là để bảo vệ [quan điểm của] mình trong các cuộc tranh biện. [Do đó] họ không đạt được mục đích của những người học hỏi Dhamma. Sự nắm bắt sai lầm của họ về các Dhamma đó sẽ mang lại bất hạnh và khổ đau cho họ trong lâu dài. Tại sao lại như vậy? Nguyên nhân chính là sự nắm bắt sai lầm các Dhamma.

"Thế nhưng cũng có những người trong cùng một tập thể (*clansmen / có thể hiểu như là chung trong một Tăng đoàn*) học hỏi Dhamma... Sau khi học hỏi Dhamma họ thấu triệt được thật vững chắc ý nghĩa trong các Dhamma đó qua khả năng suy xét của họ. Sau khi hiểu được thật vững chắc ý nghĩa trong các Dhamma đó qua khả năng suy xét của họ, nên họ đồng tình với nhau về những gì mà họ đã cố gắng suy ngẫm. Họ không học hỏi Dhamma để đã kích kẻ khác cũng không để bênh vực [quan điểm của] mình trong các cuộc tranh biện. Họ đạt được mục đích của những người học hỏi Dhamma. Sự nắm bắt đúng đắn về các Dhamma đó của họ sẽ mang lại an vui và hạnh phúc cho họ trong lâu dài. Tại sao lại như vậy? Nguyên nhân chính là sự nắm bắt đúng đắn các Dhamma.

"Giả sử có một người nào đó cần có một con rắn, người này tìm cách bắt một con rắn và đi tìm con rắn đó. Khi trông thấy một con rắn thật to thì người này dùng một cây gậy rẽ nhánh để

chặt con rắn. Sau khi đã đè chặt con rắn với cây gậy rẽ nhánh thì người này nắm chặt cổ nó. Sau khi đã bị đè chặt thì dù con rắn có dùng thân nó để quấn vào bàn tay, cánh tay hay chân của người ấy thì cũng chẳng hề hấn gì, người ấy sẽ không phải gánh chịu sự đau đớn của cái chết hoặc tương tự như sự đau đớn của những người sắp chết. Tại sao lại như vậy? Nguyên nhân chính là sự nắm bắt đúng đắn các Dhamma.

"Chính vì vậy, này các tỳ-kheo, khi nào đã hiểu được ý nghĩa những lời thuyết giảng của ta thì phải ghi nhớ đúng như vậy. Thế nhưng trong trường hợp nếu các tỳ-kheo không hiểu rõ được ý nghĩa trong những lời thuyết giảng của ta, thì phải tức khắc hỏi thẳng ta, hoặc hỏi các tỳ-kheo nhiều kinh nghiệm".

Các tỳ-kheo cùng nhau đáp lại: "Thưa Thế Tôn, xin vâng theo lời dạy bảo của Thế Tôn"

(Còn tiếp)



VỀ bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

**Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học**



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

**Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252**

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368